

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THIÊN HÀ

**CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội, 2018

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THIÊN HÀ

**CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. CAO THỊ OANH**

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn “Các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng” là công trình nghiên cứu của bản thân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Cao Thị Oanh. Các số liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng, tuân thủ theo đúng quy định. Kết quả trình bày trong luận án được thu thập trong quá trình nghiên cứu là trung thực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Đà Nẵng, tháng 11 năm 2018

Tác giả luận văn

Lê Thiên Hà

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa học và luận văn thạc sỹ của mình, trước hết tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các khoa, phòng và quý thầy, cô trong Học viện Khoa học xã hội, đã nhiệt tình truyền đạt những kiến thức quý báu cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn Thạc sỹ.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến PGS.TS Cao Thị Oanh đã trực tiếp hướng dẫn, định hướng chuyên môn, quan tâm giúp đỡ tận tình và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình thực hiện luận văn.

Tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và sự biết ơn sâu sắc đến gia đình đã tạo mọi điều kiện tốt nhất để tôi có thể hoàn thành tốt mọi công việc trong quá trình thực hiện luận văn. Đồng thời tôi cũng gửi lời cảm ơn của mình đến cơ quan, bạn bè, đồng nghiệp, luôn quan tâm, tạo điều kiện, chia sẻ, động viên tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện nhưng luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô và bạn bè.

Học viên

Lê Thiên Hà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm về cờ bạc	6
1.2. Các quy định về các tội phạm về cờ bạc trong Bộ luật hình sự 1999	14
1.3. Các quy định về các tội phạm về cờ bạc trong Bộ luật hình sự 2015	24
Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	29
2.1. Thực tiễn định tội danh các tội cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	29
2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc tại thành phố Đà Nẵng	49
2.3. Nguyên nhân của những tồn tại vướng mắc trên	56
Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC	60
3.1. Hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến các tội phạm về cờ bạc	60
3.2. Thực hiện chính sách coi việc phòng ngừa là yếu tố ưu tiên hàng đầu đối với các tội phạm về cờ bạc	64
3.3. Nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử	65
3.4. Nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất người tiến hành tố tụng	70
3.5. Tăng cường tính độc lập của Thẩm phán trong hoạt động xét xử	72
3.6. Tăng cường hoạt động giám sát đối với các cơ quan tiến hành tố tụng	76
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng Hình sự
CTTP	:	Cấu thành tội phạm
PLHS	:	Pháp luật hình sự
TAND	:	Tòa án nhân dân
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
VBPL	:	Văn bản pháp luật.

DANH MỤC BẢNG

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1.	Số liệu, tỷ lệ xét xử các vụ án tội đánh bạc với các tội phạm khác 31 từ năm 2013 - 2017	31
Bảng 2.2.	Số liệu, tỷ lệ xét xử các vụ án tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với các tội phạm khác từ năm 2013 - 2017	32
Bảng 2.3:	Số liệu thống kê các vụ án về tội đánh bạc đã xét xử của TAND thành phố Đà Nẵng trong 5 năm từ 2013 - 2017.	51
Bảng 2.4:	Số liệu thống kê các vụ án về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc đã xét xử của TAND thành phố Đà Nẵng trong 5 năm từ 2013 - 2017	52

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đà Nẵng trở thành thành phố thuộc trung ương từ năm 1997, là một trong năm thành phố trực thuộc trung ương ở Việt Nam, đồng thời cũng là đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia. Ngoài ra Đà Nẵng còn là trung tâm là trung tâm kinh tế, văn hoá, du lịch, tài chính, giáo dục, chính trị, xã hội, đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Đà Nẵng có phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông là vị trí địa lý trọng yếu về quốc phòng - an ninh và kinh tế - xã hội; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Đà Nẵng hiện nay có tám quận, huyện với tổng diện tích 1285,4 km², dân số 1.029.000 người.

Hiện nay, các khu du lịch, đô thị mới, các trường học chuyên nghiệp, các bệnh viện lớn ngày càng phát triển và nhiều trên địa bàn thành phố kéo theo một lượng không nhỏ người về làm việc, học tập và sinh sống dẫn đến tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp. Nhà ga tàu hỏa và các tuyến xe khách liên tỉnh hoạt động ngày đêm kéo theo nhiều tệ nạn xã hội. Mặt khác trên địa bàn thành phố đã và đang quy hoạch nhiều khu đô thị, nâng cấp cơ cấu hạ tầng, giao thông dẫn đến tình trạng người dân bị thu hồi đất, sau khi nhận được khoản tiền đền bù thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa bố trí công ăn việc làm để ổn định cuộc sống. Việc quản lý của cơ quan nhà nước ở địa phương về tạm trú, tạm vắng, việc tổ chức chơi xổ số chưa chặt chẽ. Chính vì những lý do đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tình hình tội phạm gia tăng trên toàn thành phố, đặc biệt là các tội phạm về cờ bạc.

Các tội phạm về cờ bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, chính trị, văn hóa, trật tự an toàn xã hội, được tồn tại dưới nhiều hình thức với quy mô lớn nhỏ khác nhau dưới các hình thức và thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Đối tượng tham gia chủ yếu của tội phạm này là những người nằm trong độ tuổi lao động, là những người có thời gian và sức lao động nhất dẫn đến làm thất thoát thời gian và sức lao động, không chỉ vậy việc sử dụng tiền bạc để tham gia còn làm thất thoát của cải vật chất dẫn đến mất nhà, mất cửa, gia đình ly tán... An ninh trật tự theo đó cũng phức tạp, gây hoang mang trong quần

chúng nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống sinh hoạt bình thường của người dân. Ngoài ra nguyên nhân khiến tệ nạn cờ bạc ngày càng phức tạp, coi thường chính quyền, làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân là những sai phạm trong xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng, sự bất cập trong các quy định pháp luật về tội phạm này.... Các tội phạm về cờ bạc làm tha hóa nhân cách một bộ phận dân cư, đồng thời làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác như tự do tài sản của công dân xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người...

Trong những năm gần đây, Đà Nẵng có sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn tồn tại nhiều vấn đề tiêu cực như vấn đề giải quyết nhu cầu việc làm, sự phân hóa giàu nghèo, các chính sách xã hội còn nhiều bất cập, tệ nạn xã hội và tình hình tội phạm ngày càng nghiêm trọng và phức tạp, đặc biệt là tội phạm về cờ bạc, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng tới đời sống kinh tế người dân. Từ thực trạng trên, việc nghiên cứu sâu những quy định của pháp luật hình sự hiện hành về các tội cờ bạc trên cơ sở thực tế của tình hình các tội các tội phạm về cờ bạc ở địa bàn thành phố Đà Nẵng là rất cần thiết; đòi hỏi phải nghiên cứu những vấn đề lý luận về đấu tranh phòng, chống các tội phạm về cờ bạc và thực trạng đấu tranh phòng, chống trên địa bàn của địa phương, để từ đó đề xuất các biện pháp đấu tranh phòng, chống vừa bằng biện pháp nghiệp vụ vừa bằng các quy định của Luật hình sự sao cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Nên tôi chọn đề tài *“Các tội đánh bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng”* làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đề tài đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc nói riêng trong nước cũng như ngoài nước đã có nhiều công trình của các nhà luật học, xã hội học. Điển hình như:

- *“Tội đánh bạc và Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn thành phố Ninh Bình. Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”* - Luận văn Thạc sỹ Luật học của tác giả Vũ Thị Len, Học viên Khoa học xã hội- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2013.

- *“Phòng ngừa các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội”* - Luận văn Thạc sỹ luật học của tác giả Cao Thị Oanh, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2002.

- “*Phòng ngừa tội đánh bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội*” - Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Đỗ Thị Thu Hằng, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2014.

- “*Đấu tranh phòng chống các tội cờ bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội*” - Luận văn thạc sĩ luật học của tác giả Cao Thị Oanh, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2002

- “*Định tội danh đối với tội đánh bạc theo Luật hình sự Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)*” - Luận văn thạc sĩ của Vũ Thị Phương Lan, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014.

Ngoài các công trình nghiên cứu đã nói ở trên còn có một số công trình khác của các tác giả thông qua các bài viết về hoàn thiện các quy định về tội phạm đánh bạc trong pháp luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay, xét dưới góc độ phạm vi không gian thì thành phố Đà Nẵng vẫn chưa có công trình nào xem xét, nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài tiến hành nhằm nghiên cứu tình hình tội phạm; những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam trên cơ sở thực tế định tội danh và quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013-2017. Từ đó đề xuất các kiến nghị, giải pháp để nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống và xử lý các tội phạm về cờ bạc ở thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng

Luận văn nghiên cứu quá trình định tội danh các tội đánh bạc từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng (năm 2013 - 2017);

Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về hình phạt đối với các tội đánh bạc từ thực tiễn quyết định hình phạt tại thành phố Đà Nẵng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn xác định và luận giải những điều phù hợp hoặc chưa phù hợp, còn bất

cập giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi của người phạm tội dựa trên thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn từ 2013-2017.

Qua đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung trong công tác ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm. Việc đấu tranh phòng chống tội phạm không phải là trách nhiệm của mỗi cá nhân mà là trách nhiệm của toàn xã hội. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng theo đường lối và chỉ đạo của Đảng, chính quyền, cùng với nhân dân để tạo nên sức mạnh nhằm đẩy lùi loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội, đảm bảo tình hình an ninh trật tự .

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Tìm hiểu các quy định của pháp luật về các tội phạm về cờ bạc được quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam, gồm các vấn đề về định tội danh và quyết định hình phạt đối với loại tội phạm này trong Bộ luật hình sự năm 1999 dựa trên số liệu thực tế thống kê trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận: Đề tài được thực hiện trên cơ sở các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách xử lý đối với các tội cờ bạc.

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp; phương pháp thống kê, điều tra xã hội học để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận: Luận văn có ý nghĩa khoa học về mặt lý luận và thực tiễn quan trọng. Trên cơ sở lý luận và pháp luật của các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng (năm 2013 – 2017) để nghiên cứu, phân tích quá trình áp dụng hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn: Luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham

khảo lý luận, nghiên cứu, học tập; Góp phần cung cấp tài liệu phục vụ trong công tác lập pháp hình sự và trong hoạt động thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội phạm về cờ bạc cũng như trong công tác giáo dục, cải tạo đối với người phạm tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. *Quy định của pháp luật về các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam*

Chương 2. *Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm về cờ bạc ở thành phố Đà Nẵng*

Chương 3. *Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với các tội phạm về cờ bạc.*

Chương 1

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm về cờ bạc

1.1.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công, mặc dù nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập nhưng Chính phủ mới được thành lập đã nhận thức rõ sự nguy hiểm của các hành vi cờ bạc đối với xã hội và sự phát triển bền vững của chính quyền mới. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã ra Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/4/1948 - văn bản pháp luật hình sự đầu tiên được Nhà nước ta quy định về tội cờ bạc để đấu tranh, ngăn chặn những nguy hại cho xã hội và an ninh quốc phòng, sắc lệnh này giữ lại các giá trị tích cực từ luật pháp phong kiến và thực dân nhưng không mâu thuẫn và trái với các mối quan hệ của xã hội mới.

Đây cũng là những tiền đề quan trọng trong các pháp luật hình sự thực định về tội phạm cờ bạc sau này. Có thể liệt kê các quy định về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc ở nước ta được các văn bản pháp luật ghi nhận, ban hành từ năm 1948 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất luật hình sự 1985 bao gồm:

- Sắc lệnh số 168/SL ngày 14-4-1948.
- Sắc lệnh số 03/SL-76 ngày 15-3-1976.
- Thông tư 301/VHH-HS ngày 14/2/1957 về vấn đề bài trừ nạn cờ bạc.
- Thông tư 2098/VHH-HS ngày 31/5/1957 về việc bài trừ tệ nạn cờ bạc và giải quyết một phần vướng mắc của Sắc lệnh 168/SL [34, tr22].

Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/4/1948 là sắc lệnh thể hiện được đường lối xử lý cứng rắn, thái độ nghiêm khắc của nhà nước ta đối với loại tội phạm này, đặc biệt đối với những đối tượng đánh bạc.

- Trong Sắc lệnh 168/SL quy định các tội phạm về cờ bạc như sau
 - + Điều 1: Hành vi đánh bạc bao gồm "*Tất cả các trò chơi cờ bạc dù có tính chất may rủi hay là có dùng trí khôn để tính nước mà được thua bằng tiền đều coi là tội đánh bạc*" hoặc "*những cuộc đánh đố nhau vì tiền, những cuộc xổ số vì tiền*

hay bằng đồ mà không có nhà chức trách có thẩm quyền cho phép trước thì đều được coi là hành vi đánh cờ bạc”

+ Điều 2: Hành vi tổ chức đánh bạc bao gồm “*Những người nào tổ chức một cuộc đánh bài, đánh bạc, một trò chơi kể trong Điều 1 không cứ ở một nơi nào*”, mặc dù sắc lệnh này chưa được quy định về hành vi gá bạc nhưng có quy định đối với “*Những người nào giúp người khác tổ chức những cuộc nói trên, những người chủ nhà tri tình mà để người đã đánh bài, đánh bạc trong nhà mình*” không cần biết có thu lợi hay không thì vẫn bị xử lý như tòng phạm với người tổ chức đánh bạc.

- Sắc lệnh 168/SL cũng quy định: “*Những người giúp, người khác tổ chức những cuộc chơi nói trên, những người quản lý người làm cái, lấy hồ, những người làm công khác giúp việc trực tiếp vào cuộc chơi đều bị coi là tòng phạm của người tổ chức đánh bạc và bị phạt tù từ 2 - 5 năm tù và phạt bằng tiền từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng.*” Bên cạnh việc xác định phạm vi những đối tượng bị xử lý về hình sự Sắc lệnh 168/SL cũng quy định chế tài xử lý nghiêm khắc được áp dụng đối với người phạm tội đánh bạc:

- Điều 2 của Sắc lệnh 168/SL quy định hình phạt đối với người phạm tội đánh bạc là tù từ 1 năm đến 3 năm và phạt bạc (phạt tiền) từ 5.000 đến 50.000 đồng.

- Ngoài ra điều luật này còn quy định hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là có thể áp dụng hình phạt bị quản thúc từ một năm đến năm năm, các dụng cụ dùng vào việc đánh bạc, tiền nong bắt được trên bàn hay trên chiếu bạc đều bị tịch thu.

- Đồng thời tại Điều 4 của Sắc lệnh 168/SL cũng thể hiện việc áp dụng hình phạt rất nghiêm khắc đối với những người thực hiện hành vi phạm tội: “*Dù rằng Tòa án có xét xử tình trạng nên giảm, cũng bắt buộc hình phạt tối thiểu về tù và tiền nói trong Điều 2 và Điều 3 trên đây. Tòa án phải phạt vừa tù và tiền mà không cho bị can hưởng án treo. Nếu có trường hợp tái phạm, các hình phạt sẽ tăng gấp đôi*” [7]

Sắc lệnh mặc dù chưa phân biệt rõ các hình vi cờ bạc nhưng trong quy định đã có phân hóa để xử lý đối với những đối tượng tổ chức đánh bạc và những người đánh bạc này thể hiện đường lối xử lý cứng rắn, thái độ nghiêm khắc của nhà nước ta đối với loại tội phạm này, đặc biệt đối với những đối tượng đánh bạc.

Sắc lệnh 168/SL lúc bấy giờ là cơ sở pháp lý quan trọng phục vụ cho việc phòng chống, đấu tranh các tội phạm về cờ bạc nói chung và tội đánh bạc nói riêng.

Tuy nhiên sau gần 10 năm ban hành và áp dụng đã xuất hiện những bất cập khi tình hình xã hội thay đổi, miền Bắc bắt đầu tiến hành công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa dẫn theo nảy sinh các điều kiện mới về kinh tế, văn hoá, xã hội. Trước tình hình đó, nhằm mục đích bài trừ tệ nạn cờ bạc và giải quyết một phần vướng mắc của Sắc lệnh 168/SL, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư 301/VHH-HS ngày 14/2/1957 và Thông tư 2098/VHH-HS ngày 31/5/1957 về Thông tư 301/VHH-HS thể hiện quan điểm xử lý tội cờ bạc là "*lấy giáo dục làm chính*" và cũng hướng dẫn cho các cơ quan tư pháp đường lối giải quyết vụ án là không nhất thiết phải bắt được quả tang đánh bạc mới có thể truy tố được; Có thể chứng minh bằng bất kỳ hình thức nào để chứng minh là bị can đã đánh bạc, nhưng phải thận trọng trong trường hợp này. Có bằng chứng rõ ràng thì mới truy tố, không nên suy luận hoặc chỉ dựa vào lời khai của một vài nhân chứng (Phần B mục I).

Trong thông tư đã thu hẹp đối tượng bị xử lý về tội cờ bạc, xác định chỉ truy tố đối với các đối tượng bao gồm "*Bọn tổ chức, bọn chứa gá, bọn xóc cái, bọn hồ lý, bọn canh gác chuyên sống về nghề cờ bạc*" và "*Bọn con bạc chuyên sống bằng nghề cờ bạc hoặc đã được cảnh cáo rồi mà vẫn tiếp tục chơi, coi thường pháp luật*". Các đối tượng có kèm theo đặc điểm nhân thân như trên tham gia vào tổ chức, chứa gá bạc và đánh bạc thì mới xem xét để truy tố. [40, tr23]

Về quy định đường lối phân hóa trong chính sách hình phạt đối với các đối tượng phạm tội, đường lối trong Thông tư 301/VHH-HS so với đường lối xử phạt của Sắc lệnh 168/SL đã giảm nhẹ đáng kể. Trong thông tư 301/VHH-HS quy định cụ thể là: "*đối với những bọn trên thì xử phạt mức tối thiểu, trường hợp phạm tội nặng mới phạt trên mức tối thiểu*".

Trong điều kiện và tình hình xã hội mới, Thông tư số 2098 ngày 31/5/1957, đã vận dụng Sắc lệnh 168/SL xác định những nội dung chính sau:

- Về mức hình phạt: Đường lối xử lý của Thông tư này là cần phải cân nhắc kỹ giữa truy tố và không truy tố, bởi đối với những trường hợp phạm tội nhẹ thì xử phạt bị can ở mức tối thiểu là 1 năm tù thì quá nặng, còn nếu chỉ cảnh cáo thì quá nhẹ. Vì vậy nếu thấy cần thiết phải truy tố mà tốt cho việc giáo dục thì truy tố đề nghị Tòa án xử phạt mức tối thiểu. Nếu xét thấy không cần thiết phải truy tố thì cảnh cáo ở phòng công tố rồi tha cho bị can. Thông tư này vẫn giữ nguyên mức phạt

tiền theo quy định của Sắc lệnh.

- Về vấn đề thu tang vật: Chỉ tịch thu số tiền trên bàn hoặc trên chiếu bạc mà không tịch thu tiền trong túi các con bạc, để tránh tình trạng lạm dụng tịch thu cả tiền không phải để dùng để đánh bạc hoặc được bạc, cũng không tịch thu đồ vật do tiền được bạc mua được.

- Tinh thần mới của Thông tư là đối với các đối tượng phạm tội cờ bạc thì không cần thiết xử phạt thêm quản thúc.

Sau đó Ngày 08/01/1968, TANDTC đã có Bản tổng kết số 9/NCLP với nội dung hướng dẫn đường lối xét xử các tội cờ bạc, trong đó nêu giới hạn giới hạn giữa những hành vi cần thiết phải xử lý bằng chế tài hình sự và những hành vi không cần thiết phải xử lý bằng chế tài hình sự. Đồng thời đưa ra khái niệm về các hành vi cờ bạc là "*Hành vi đánh bạc là hành vi có được thua bằng tiền mặt hay không dùng tiền mặt nhưng thanh toán với nhau bằng tiền, tuy nhiên phải có động cơ mục đích sát phạt nhau*". Theo khái niệm này thì hành vi đánh bạc không cần thiết thắng thua nhiều hay không mà phải có động cơ mục đích là sát phạt nhau thì mới cần phải xử lý về hình sự vì khi đó mới thể hiện được tính chất bóc lột lẫn nhau, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi đánh bạc mới thể hiện rõ nét.[44]

Có thể nhận thấy rằng điểm tiến bộ quan trọng trong đường lối xét xử của bản tổng kết số 9/NCPL là chính sách phân hóa rõ rệt các đối tượng bị xử lý hình sự theo tinh thần:

Mức độ xử lý nặng nhẹ căn cứ vào tính chất của hành vi và nhân thân bị cáo; hành vi tổ chức, chứa gá cờ bạc nguy hiểm hơn hành vi đánh bạc, những đám bạc to nguy hiểm hơn những đám bạc ít sát phạt nhau. Những người chuyên sống hay gần như chuyên sống về nghề cờ bạc nguy hiểm hơn những người cờ bạc máu mê, những người cờ bạc máu mê nguy hiểm hơn những con bạc cơ hội; những phần tử xấu cần xử lý nghiêm khắc hơn những người thuộc thành phần nhân dân lao động...

Tại văn bản này lần đầu tiên quy định hình thức xử phạt tù và cho hưởng án treo được quy định đối với những người phạm tội cờ bạc thuộc những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng.

Về hình phạt này vẫn dựa trên tinh thần của Sắc lệnh 168/SL, tuy nhiên có hướng dẫn xử lý đối với hình phạt tiền, xử phạt quản chế và xử lý tang vật.

Vấn đề phạt tiền: Bản tổng kết số 9/NCPL xác định phạt tiền có thể là hình phạt chính hoặc phụ, tuy nhiên hình phạt này chỉ nên áp dụng với tư cách là hình phạt chính trong những trường hợp cá biệt như tội phạm nhẹ, hoàn cảnh bản thân hoặc gia đình đáng chiếu cố đặc biệt (tuổi già, bệnh tật, v.v....).

Đồng thời Bản tổng kết cũng đưa ra quan điểm đối với những đối tượng cờ bạc chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có hành vi gian lận hoặc những người tổ chức, gá bạc, đánh bạc mới quy mô lớn, sát phạt nhau thì Tòa án phải xử phạt tiền nặng. Tuy nhiên, mức tiền phạt phải tùy thuộc vào tính chất, hành vi của đối tượng, đồng thời cần xét đến khả năng kinh tế hiện tại của từng bị cáo để bản án có thể thi hành được và việc phạt tiền không ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình họ.

Cơ sở pháp lý của hình phạt tiền được quy định tại Điều 2 Sắc lệnh 168-SL ngày 14/04/1948, theo đó mức xử phạt cho phép đối với con bạc đến 50đ, đối với người tổ chức, chứa gá đến 100đ; tại Điều 4 của Sắc lệnh còn quy định nếu trong trường hợp tái phạm thì tăng mức hình phạt tiền lên gấp đôi.

Ngoài ra, tại điều 7 Nghị định số 32 ngày 06/04/1952 của Bộ tư pháp quy định: Đối với tội đánh bạc, theo giá gạo Nhà nước quy định hiện nay (40đ/tạ), thì tiền phạt ấn định ở Điều 2 Sắc lệnh 168/SL đối với người đánh bạc bằng giá 200 kg gạo tương đương với 200 đồng, đến đến 1000 kg gạo đối với người tổ chức thì có thể bị phạt tới 400 đồng. Trong trường hợp tái phạm áp dụng thêm Điều 4 Sắc lệnh 168 – SL thì người tổ chức có thể bị phạt đến 800 đồng và con bạc có thể bị phạt đến 400 đồng.

Về hình thức xử phạt quản chế, bản tổng kết nêu ra đường lối chung đó là "Không xử phạt quản chế đối với nhân dân lao động và nói chung chỉ xử phạt hình thức quản chế đối với những người có nhân thân xấu, chỉ vì máu mê hay cơ hội mà phạm tội cờ bạc." Đồng thời cần phải xử phạt quản chế đối với các đối tượng địa chủ cường hào có tội nhẹ, bọn đã làm gián điệp, tham gia các đảng phái nói chung, bọn đã làm tay sai cho địch tội nhẹ mà nay chưa thực sự hối cải.

Về vấn đề xử lý tang vật, bản tổng kết tiếp tục khẳng định nguyên tắc tịch thu những phương tiện thường xuyên dùng để đánh bạc, tịch thu toàn bộ tiền dùng để phạm pháp và tiền do phạm pháp mà có.

Sau khi thống nhất đất nước, Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời ra Sắc

luật số 03/SL-76 vào ngày 15-3-1976. Sắc luật này có quy định về tội xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe của nhân dân tại điều 9 với nội dung như sau: Bị phạt tù, từ ba tháng đến năm năm đối với các hành vi Cờ bạc, tổ chức ổ mồi dâm, buôn bán, tàng trữ ma túy và các chất độc khác. Bị phạt tù đến mười lăm năm trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng. Ngoài ra còn có thể bị phạt tiền đến 1.000 đồng trong mọi trường hợp [15, Điều 9]. Ngoài hình phạt chính, còn quy định hình phạt phụ tại Điều 11, theo đó người phạm tội có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; Đặc biệt đối với trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì sau khi chấp hành xong hình phạt còn bị phạt quản chế hoặc cấm lưu trú ở một số địa phương từ một năm đến năm năm tù.

Quá trình thực hiện sắc luật, theo tinh thần của Chi thị 54/TATC ngày 6/7/1977 thì mức hình phạt của Sắc luật 03/SL-76 là quá cao nên chỉ được áp dụng tại Miền Nam, còn ở miền Bắc thì không phù hợp với tình hình tội phạm này nên vẫn áp dụng đường lối xét xử theo hướng dẫn tại Bản tổng kết số 09-NCPL.

Như vậy có thể thấy, giai đoạn này nhà nước ta đã có những văn bản pháp luật điều chỉnh hình sự về các tội cờ bạc. Đây là những căn cứ quan trọng cho lần pháp điển hoá đầu tiên luật hình sự Việt Nam. Mặc dù các Sắc lệnh 168/SL, Sắc luật 03-SL/76 vẫn còn một số hạn chế nhưng đây vẫn là những cơ sở pháp lý quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm cờ bạc, thực hiện những nhiệm vụ xây dựng Nhà nước ta trong giai đoạn lịch sử này.

1.1.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 cho đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Sau lần pháp điển hoá luật hình sự đầu tiên, BLHS năm 1985 ra đời đã đánh dấu một cột mốc quan trọng của pháp luật hình sự nước ta. BLHS năm 1985 có hiệu lực từ ngày 1/1/1986 và trở thành Đạo luật hình sự đầu tiên của nước ta quy định tất cả các vấn đề về tội phạm và hình phạt. Các Sắc lệnh, thông tư đã được ban hành và áp dụng trước đây đều được thay thế bằng Bộ luật này. Trong bộ luật này cũng đã quy định rõ dấu hiệu cấu thành tội phạm đối với các loại tội phạm nói chung và các tội về cờ bạc nói riêng.

Đối với các tội phạm về cờ bạc gồm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc trong Bộ luật hình sự 1985 thì ở phần chung được quy định tại Điều 200 và hình

phạt bổ sung được quy định tại Điều 218. Đây là cơ sở pháp lý cho việc xử lý các tội phạm về cờ bạc trong giai đoạn này.

Theo quy định về tội đánh bạc được quy định tại Điều 200 BLHS năm 1985 có nội dung cụ thể như sau:

Tại khoản 1 quy định nếu *đánh bạc dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm*. Còn hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 2 và khoản 3 bao gồm: "*Có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm*" và "*bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến năm triệu đồng và có thể bị tịch thu một phần tài sản*". [26, Điều 200]. Mặc dù được quy định tại cùng một điều luật nhưng các khung hình phạt khác nhau là căn cứ để phân biệt giữa tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc trong Bộ luật Hình sự năm 1985. So với các văn bản pháp luật thời kì trước thì đây chính là một điểm tiến bộ trong kỹ thuật lập pháp của BLHS năm 1985.

Căn cứ vào điều luật trên thì bản chất của tội đánh bạc là hành vi "*đánh bạc dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật*" với mức hình phạt là phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm. Ngoài hình phạt chính thì còn áp dụng thêm hình phạt phụ là quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm và phạt tiền từ hai triệu đồng đến năm triệu đồng, không chỉ vậy, người phạm tội có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

Hình thức xử lý đối với những người tham gia cờ bạc tại Điều 200 BLHS năm 1985 nghiêm khắc hơn, điều này cho thấy có sự kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hình sự giai đoạn trước về tội đánh bạc.

Trong giai đoạn này tính nguy hiểm của hành vi cờ bạc vẫn được nhà nước ta kế thừa quan điểm đồng thời cũng xác định hành vi cờ bạc bao gồm: tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc. Mặt khác có sự phát triển quan trọng trong kỹ thuật lập pháp hình sự trong BLHS năm 1985 thể hiện ở việc quy định những quy định chung về tội phạm và hình phạt ở phần chung một cách ngắn gọn khoa học, không cần liệt kê dài dòng về từng dạng hành vi cụ thể làm cho việc quy định về các tội cờ bạc trở nên dễ hiểu và khoa học.

Tuy nhiên, trong quá trình thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự quy định tại

Điều 200 BLHS năm 1985 cũng có những hạn chế, vướng mắc nhất định trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về cờ bạc: Thứ nhất, tuy các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc cùng được quy định trong một điều luật nhưng dấu hiệu cấu thành tội đánh bạc và các dấu hiệu cấu thành tội tổ chức đánh bạc và gá bạc không có điểm chung, điều này chưa có tính khoa học. Ngoài ra, việc không rõ ràng giữa xử lý vi phạm hành chính với tội phạm về cờ bạc dẫn đến những quan điểm khác nhau về phạm vi xử lý hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc. Mặc dù tại khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1985 có quy định *“những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác”* nhưng do quan điểm khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật khác nhau.

Trong khi đó các văn bản hướng dẫn áp dụng luật hình sự trong suốt thời kỳ BLHS năm 1985 có hiệu lực cũng không đề cập tới vấn đề này. Việc quy định chung như nói ở trên là một hạn chế bởi các tội phạm về cờ bạc không có sự phân định rõ ràng trong luật trường hợp nào là tội phạm hay không phải tội phạm. [18, tr22]

Bên cạnh đó việc điều luật quy định tình tiết định khung tăng nặng tại đoạn 2 khoản 2 Điều 200 nếu trong trường hợp tái phạm nguy hiểm thì người phạm tội bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm" thì nên hiểu tình tiết định khung tăng nặng này áp dụng cho cả ba tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc hay chỉ được áp dụng cho tội tổ chức đánh bạc và gá bạc.

Việc quy định tại Điều 200 BLHS năm 1985 có những hạn chế trong cơ cấu dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, không thống nhất, vì vậy ảnh hưởng tiêu cực trong việc áp dụng pháp luật. Ngoài ra hình phạt chính và hình phạt bổ sung được quy định cho các tội phạm về cờ bạc chưa đủ sức răn đe, phòng ngừa chung đối với những người thực hiện hành vi phạm tội. Hình phạt bổ sung quản chế hoặc cấm cư trú đối với những người phạm tội cờ bạc thiếu ý nghĩa thực tế và tính khả thi, không phù hợp. Không chỉ vậy tình tiết định khung tăng nặng trong trường hợp tái phạm nguy hiểm chưa bao quát hết các trường hợp phạm tội có tính chất nguy hiểm nhiều hơn đáng kể những trường hợp khác.

Tóm lại, những quy định của pháp luật hình sự về tội phạm cờ bạc của BLHS năm 1985 trong suốt thời kỳ gần 15 năm kể từ khi BLHS năm 1985 có hiệu lực thi

hành đã thể hiện những tiến bộ quan trọng, góp phần quan trọng vào hoạt động đấu tranh phòng chống các tội phạm này. Tuy nhiên, quy định về các tội cờ bạc trong thời kỳ này vẫn chưa hoàn thiện, tạo ra những bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật.

1.2. Các quy định về các tội phạm về cờ bạc trong Bộ luật hình sự 1999

1.2.1. Những dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về cờ bạc

Sự ra đời của BLHS năm 1999 đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta góp phần đáng kể vào việc khắc phục những khiếm khuyết trong quy định về các tội cờ bạc của BLHS năm 1985. Theo đó các tội phạm về cờ bạc đã được các nhà làm luật tách riêng thành hai điều luật: tội đánh bạc được quy định tại điều 248 BLHS và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được quy định tại Điều 249 BLHS. Ngoài ra để phù hợp với thực tiễn, các nhà làm luật đã làm rõ các dấu hiệu định tội danh vào cấu thành tội phạm, bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng và các chính sách hình phạt cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn.

** Khách thể của tội phạm:*

Khách thể của tội phạm nói chung là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm, nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên (hoặc có thể gây nên) thiệt hại đáng kể nhất định. Theo pháp luật hình sự Việt Nam thì khách thể của tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là trật tự công cộng.

Khái niệm “trật tự công cộng” trong từ điển thuật ngữ lý luận Nhà nước và Pháp luật được hiểu theo hai nghĩa rộng và hẹp. Theo nghĩa hẹp thì “trật tự công cộng” là trật tự được thiết lập những nơi phục vụ lợi ích chung như đường phố, công viên, bệnh viện, nhà hát...theo nghĩa rộng thì “trật tự công cộng” là một cách diễn đạt về trật tự xã hội nói chung. Theo đó, hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc đã tác động làm cản trở việc tuân thủ các quy phạm pháp luật và đạo đức, phong tục tập quán, ảnh hưởng đến trật tự chung nơi công cộng. Các chủ thể có thể thực hiện hành vi đánh bạc và Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc ở bất cứ đâu, địa điểm nào như trong nhà riêng, nơi làm việc, khách sạn, đường phố, ngay cả ở trên tàu lửa, thuyền, xe ô tô ... Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trị an, sự ổn định, kỉ luật và tính tổ chức trong trật tự công cộng. Các hành vi về cờ bạc ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế, đến nếp sống văn minh và nhân cách của người thực hiện

hành vi phạm tội do tính chất chung của hành vi cờ bạc là sát phạt lẫn nhau gây ra thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, cơ quan, tổ chức...đồng thời tạo ra một môi trường xấu, lôi kéo người khác tham gia vào loại tội phạm này, từ đó phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Những hành vi đánh bạc và Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội cần có chế tài xử lý nghiêm minh.

** Mặt khách quan của tội phạm:*

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm các biểu hiện của tội phạm diễn ra trong thế giới khách quan, các biểu hiện đó là: Hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Các dấu hiệu khách quan gắn liền với hành vi phạm tội, như: Công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội. Hành vi nguy hiểm cho xã hội là hoạt động của chủ thể nhận thức và điều khiển gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ dưới những hình thức nhất định, có nội dung trái với yêu cầu và đòi hỏi của PLHS.

Hành vi của tội đánh bạc có thể hiểu là hành vi tham gia trò chơi, được tổ chức bất hợp pháp, việc thắng thua đi kèm với việc được hoặc mất một số tài sản nhất định. Khái niệm tổng quát về hành vi đánh bạc mà điều luật đưa ra cho thấy dạng biểu hiện cụ thể của hành vi đánh bạc rất phong phú, đa dạng., nhưng dù tồn tại dưới hình thức nào thì đều có đặc điểm chung là việc thắng thua mang tính khách quan. Vì vậy có thể xác định khái niệm đánh bạc không bao gồm những loại trò chơi được tổ chức một cách hợp pháp. Có thể nói, người thực hiện hành vi phạm tội cờ bạc có thể lựa chọn bất cứ hoạt động nào hay hiện tượng nào trong cuộc sống với ý thức biến nó thành trò chơi có dùng tài sản làm phương tiện thanh toán cho việc được thua để chúng thỏa mãn hành vi trong mặt khách quan của tội phạm này (trừ hành vi của người đua xe trái phép đồng thời tham gia cá cược vì hành vi này đã được quy định tại Điều 207 BLHS).

Hành vi phạm tội có thể tồn tại dưới nhiều hình thức, phụ thuộc vào hoạt động của chủ thể hoặc phụ thuộc vào những đối tượng nhất định do họ điều khiển, quản lý hoặc lựa chọn, kết quả thắng thua của trò chơi phụ thuộc vào khả năng của chủ thể và sự may rủi. Nói tóm lại, điểm chung của tội phạm này việc thắng thua

mang tính khách quan. Chính nhờ đặc điểm chung này mà ta có thể phân biệt hành vi đánh bạc với những hành vi khác có biểu hiện giống hành vi đánh bạc khi mà kết quả thắng thua phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của một người nào đó.

Trong trường hợp chủ thể có thể điều chỉnh được kết quả thắng thua theo ý muốn thì thực chất đây không còn là một dạng trò chơi nữa, hành vi gian dối này được xác định là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chứ không phải là hành vi phạm tội cờ bạc.

Hành vi khách quan của tội Tổ chức đánh bạc là hành vi rủ rê, lôi kéo tụ tập người khác tham gia đánh bạc trái phép. Như vậy chủ thể của hành vi tổ chức đánh bạc là người thực hiện hành vi đánh bạc dưới các hình thức xây dựng, thiết lập các sòng bạc, tụ điểm đánh bạc, đồng thời bố trí lực lượng canh gác để duy trì trật tự cho hoạt động đánh bạc. Có nhiều sòng bạc được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hoạt động thường xuyên phục vụ cho các con bạc dưới vỏ bọc kinh doanh ngành nghề hợp pháp. Đồng thời có những quy định chặt chẽ, có sự phân công quản lý tại các địa điểm đánh bạc để đảm bảo bí mật hoạt động, nếu có người lạ xuất hiện thì báo động hoặc vứt bỏ, tiêu hủy công cụ, phương tiện tổ chức đánh bạc, mặt khác còn dùng thủ đoạn mua chuộc các lực lượng chức năng khi thực hiện nhiệm vụ điều tra, bắt giữ. Hành vi Gá bạc là hành vi thu lợi từ việc cho thuê, cho mượn địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của người gá bạc làm nơi thực hiện việc đánh bạc. Giữa các hành vi tổ chức đánh bạc với hành vi gá bạc rất dễ bị nhầm lẫn trên thực tế, bởi hành vi khách quan của tổ chức đánh bạc thường cũng có hành vi xây dựng, thiết lập tụ điểm đánh bạc giống với hành vi gá bạc, nhưng đó chỉ là một trong nhiều hành vi khác của người tổ chức đánh bạc...trong khi hành vi gá bạc chỉ chủ yếu hành vi thu lợi từ việc cho sử dụng địa điểm để thực hiện việc đánh bạc. Như vậy, so với hành vi cho sử dụng địa điểm để thực hiện việc đánh bạc thì hành vi tổ chức đánh bạc thể hiện tính chủ động cao hơn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 thì phương tiện thanh toán cho việc được thua phải là tiền hoặc hiện vật. Tiền và hiện vật ở đây xét cả về mặt lý luận lẫn trong thực tiễn được xác định gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, các giấy tờ có giá trị thanh toán khác hoặc đồ vật, các quyền về tài sản được dùng đánh bạc. Khi xác định giá trị tài sản dùng để đánh bạc cần lưu ý:

a) Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định giá trị tài sản để truy cứu TNHS đối với từng người đánh bạc là tổng số tài sản mà những người tham gia đánh bạc dùng để đánh bạc;

b) Trường hợp một người đánh bạc với nhiều người (như trường hợp chơi số đề) thì người đánh bạc với nhiều người phải chịu TNHS về tổng số tài sản mà họ và những người đánh bạc khác dùng để đánh bạc; từng người tham gia đánh bạc với người này thì phải chịu TNHS về số tài sản mà bản thân họ dùng để đánh bạc.

Ngoài ra trong điều luật quy định hành vi đánh bạc được coi là hành vi phạm tội chỉ khi thỏa mãn ít nhất một trong các điều kiện. Các điều kiện này bao gồm:

- Thứ nhất, tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị lớn, có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn. Nhà làm luật dựa trên khái niệm tội phạm ở phần chung BLHS để xác định những hành vi đánh bạc gây hậu quả lớn cho xã hội, trong đó có trường hợp tài sản dùng để đánh bạc có giá trị lớn thì mới coi là tội phạm. Tuy nhiên, điều luật không chỉ ra chính xác mức tài sản bao nhiêu được coi là giá trị lớn. Căn cứ theo Nghị quyết số 02/2003/NQ- HĐTP ngày 17/04/2003, tiền hoặc hiện vật “*có giá trị lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn*” trong tội đánh bạc được xác định như sau:

a. Tiền hoặc hiện vật có giá trị từ một triệu đồng đến dưới mười triệu đồng là có giá trị lớn;

b. Tiền hoặc hiện vật có giá trị từ mười triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng là có giá trị rất lớn;

c. Tiền hoặc hiện vật có giá trị từ một trăm triệu đồng trở lên là có giá trị đặc biệt lớn”.

- Thứ hai, trong trường hợp trước đó người phạm tội đã bị kết án về một trong các tội được quy định Điều 248 hoặc 249 BLHS năm 1999 chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật mà tiếp tục vi phạm hành vi đánh bạc

Qua nghiên cứu Điều 248, Điều 249 nhận thấy: Vì tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được xây dựng dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức nên nếu các hành vi này gây ra hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng mà dẫn đến hành vi phạm tội khác thì dấu hiệu hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc để định tội hoặc khung hình phạt. Bởi hầu hết hậu quả mà các hành vi đánh bạc và hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc đã cấu thành tội phạm độc lập, do đó

người thực hiện hành vi đánh bạc và hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nếu dẫn đến hành vi phạm tội khác thì chịu TNHS về tội phạm tương ứng.

** Mặt chủ quan của tội phạm:*

Mặt chủ quan của tội phạm gồm các nội dung như: Lỗi, động cơ và mục đích phạm tội. Mặt chủ quan của tội phạm là là thái độ tâm lý bên trong của tội phạm đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do họ thực hiện hành vi ấy. Với tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chủ thể phạm tội nhận thức điều khiển để thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý với tính chất sát phạt nhau nhằm mục đích vụ lợi. Do đó giữ vai trò chủ đạo trong việc phản ánh mặt chủ quan của đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc bao gồm lỗi, động cơ, mục đích phạm tội

+ Lỗi của người phạm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc: Lỗi là thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và đối với hậu quả của hành vi ấy gây ra được thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý.

Người thực hiện hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, đây là lỗi cố ý trực tiếp.

+ Động cơ của người phạm tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc: Thông qua hành vi đánh bạc hay tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc để sát phạt nhau nhằm thu về những lợi ích vật chất nhất định. Tuy đây không phải là dấu hiệu bắt buộc với tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc nhưng đối với tội gá bạc đây là dấu hiệu bắt buộc, bởi người phạm tội gá bạc cho sử dụng địa điểm của mình để đánh bạc với mục đích chính là thu lợi. Nếu có hành vi cho những người đánh bạc sử dụng địa điểm để đánh bạc nhưng không thu lợi được thông qua hoạt động đó thì không bị xử lý về tội gá bạc. Bởi trong thực tế có nhiều trường hợp chủ nhà do quen biết, nể nang... nên cho người khác sử dụng địa điểm của mình để đánh bạc, tuy nhiên cũng cần phải xem xét trong trường hợp không thu lợi nhưng nếu thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành của tội phạm đánh bạc thì bị xử lý hình sự với vai trò là hành vi giúp sức cho hành vi phạm tội đó

+ Mục đích của tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc: Là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện tội

phạm. Chủ thể trong tội đánh bạc đều hướng đến mục đích thu lợi giá trị về vật chất nhất định khi thực hiện hành vi đánh bạc, còn chủ thể của tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc hướng đến kết quả là xác lập hành vi đánh bạc thông qua các hành vi chủ mưu, rủ rê, lôi kéo, tụ tập nhiều người đến tham gia đánh bạc.

* *Chủ thể của tội phạm*: Là người thực hiện hành vi được quy định tại Điều 248, 249 BLHS có năng lực TNHS, đạt độ tuổi chịu TNHS theo quy định của pháp luật hình sự.

Chủ thể của tội đánh bạc được xác định tại thời điểm họ thực hiện hành vi phạm tội phải có khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội mà hành vi của họ gây ra, nếu không thỏa mãn điều kiện này thì không có năng lực chịu TNHS.

Ngoài ra chủ thể của các tội về cờ bạc còn phải thỏa mãn về dấu hiệu độ tuổi chịu TNHS được quy định tại Điều 12 BLHS năm 1999: “1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. 2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Căn cứ vào điều luật quy định tại Điều 12, Điều 248 và Điều 249 BLHS năm 1999 thì có thể nhận thấy độ tuổi chịu TNHS được quy định ở các khung khác nhau thể hiện tính phân hóa TNHS cao. Cụ thể:

Tại Điều 248 BLHS: Mức hình phạt tù đối với tội đánh bạc quy định tại khoản 1 tối đa là ba năm tù ít nghiêm trọng và khoản 2 tối đa là bảy năm tù tội nghiêm trọng. Như vậy tuổi chịu TNHS đối với tội đánh bạc là từ 16 tuổi trở lên.

Tại Điều 249 BLHS : Mức hình phạt tù đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại khoản 1 cao nhất là năm năm tù tội nghiêm trọng và khoản 2 cao nhất là mười năm tù tội rất nghiêm trọng. Như vậy độ tuổi chịu TNHS đối với loại tội phạm này có sự khác biệt ở các khung khác nhau, đối với khoản 1 tuổi chịu TNHS đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là từ đủ 16 tuổi trở lên, đối với khoản 2 thì tuổi chịu TNHS là từ đủ 14 tuổi trở lên.

1.2.2. Hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc theo Bộ luật hình sự 1999

a/ Hình phạt của tội đánh bạc được quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự Việt Nam 1999

** Khung cơ bản:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, thì người phạm tội đánh bạc thuộc tội phạm ít nghiêm trọng với mức hình phạt là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm

** Khung tăng nặng:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 248, nếu hành vi thỏa mãn các tình tiết tăng nặng như có tính chất chuyên nghiệp; tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên, tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ 2 đến 7 năm.

- *Có tính chất chuyên nghiệp:* Người phạm tội được coi là tính chất chuyên nghiệp khi cố ý thực hiện hành vi đánh bạc từ 05 lần trở lên, không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích, coi việc phạm tội làm nghề kiếm sinh sống và sử dụng tài sản thu lợi bất chính làm nguồn sống chính, tình tiết tăng nặng này được quy định tại điểm 5 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006

Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chuyên nghiệp cần chú ý tùy vào từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết "tái phạm" hoặc "tái phạm nguy hiểm", "phạm tội nhiều lần" và "phạm tội có tính chuyên nghiệp" nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội 05 lần trở lên mà trong số đó có lần đã bị kết án, chưa được xóa án tích. Ngoài ra tại Điều 48 của BLHS năm 1999 có quy định các tình tiết tăng nặng, nếu trong điều luật của tội đó không có quy định tình tiết "phạm tội có tính chuyên nghiệp" là tình tiết định khung hình phạt thì phải áp dụng tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại điều này, còn nếu quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt thì không được áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS.

- Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn:

Theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị từ mười triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng là có giá trị rất lớn; Tiền hoặc hiện vật có giá trị từ một trăm triệu đồng trở lên là có giá trị đặc biệt lớn.

- Tái phạm nguy hiểm:

Tình tiết tái phạm nguy hiểm được quy định tại khoản 2 Điều 49 BLHS 1999, theo đó trong trường hợp người phạm tội bị kết án về tội nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý hoặc trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cố ý phạm tội

Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm cần phải làm rõ một số vấn đề sau:

Thứ nhất, Tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS là tội phạm ít nghiêm trọng, quy định tại khoản 2 Điều 248BLHS là tội phạm nghiêm trọng. Do đó nếu người phạm tội đánh bạc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 248 BLHS, mặc dù trước đó đã bị kết án về tội nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích thì chỉ là phạm tội trong trường hợp tái phạm chứ không phải là tái phạm nguy hiểm. Người phạm tội bị áp dụng tình tiết "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS chứ không bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248 BLHS.

Thứ hai, Tội đánh bạc là tội phạm do lỗi cố ý. Trong trường hợp tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội đánh bạc thì đây là trường hợp tái phạm nguy hiểm, người phạm tội có ít nhất hai tiền án trở lên, án tích đầu tiên là án tích do cố ý hoặc vô ý về bất kỳ tội danh nào (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng), án tích thứ hai là một trong các tội cố ý ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Đối với trường hợp phạm tội thuộc điểm c khoản 2 Điều 248 BLHS, nếu phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị lớn từ năm mươi triệu đồng trở lên thì khi xét xử, Tòa án phải áp dụng cả ba tình tiết định khung quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 248 BLHS

** Hình phạt bổ sung đối với người phạm tội đánh bạc:*

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội đánh bạc còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng. Cần lưu ý nếu không áp dụng hình phạt tiền đối với người phạm tội là hình phạt chính thì mới áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung

Quy định về tội đánh bạc tại Điều 248 BLHS năm 1999 đã thêm vào một số dấu hiệu pháp lý bắt buộc vào cấu thành tội phạm đánh bạc. Đây là một điểm mới so với quy định về tội đánh bạc trong BLHS năm 1985, điều này có ý nghĩa trong việc xác định ranh giới giữa các hành vi đánh bạc là tội phạm hay là hành vi vi phạm hành chính. Đồng thời trong cơ cấu điều luật ngoài khung cơ bản quy định tại khoản 1 còn có khung tăng nặng tại khoản 2 với các tình tiết định khung tăng nặng cho tội đánh bạc với phạm vi bao quát hơn, rộng lớn hơn đã góp phần hoàn thiện chính sách phân hóa, cá thể hóa TNHS của cá nhân phạm tội

b/ Hình phạt của tội tổ chức đánh bạc được quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự Việt Nam 1999.

** Khung cơ bản:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, thì người phạm tội tổ chức đánh bạc có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm.

** Khung tăng nặng:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 249, nếu những hành vi thỏa mãn các tình tiết tăng nặng như có tính chất chuyên nghiệp; thu lợi bất chính lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn; tái phạm nguy hiểm thì bị xử phạt tù từ ba năm đến mười năm

- *Có tính chất chuyên nghiệp:* Người phạm tội được coi là tính chất chuyên nghiệp khi cố ý thực hiện hành vi đánh bạc từ 05 lần trở lên, không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích, coi việc phạm tội làm nghề kiếm sinh sống và sử dụng tài sản thu lợi bất chính làm nguồn sống chính, tình tiết tăng nặng này được quy định tại tại điểm 5 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006

Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chuyên nghiệp cần chú ý tùy vào từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết "tái phạm" hoặc "tái phạm nguy hiểm", "phạm tội nhiều lần" và "phạm tội có tính chuyên nghiệp" nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội 05 lần trở lên mà trong số đó có lần đã bị kết án, chưa được xóa án tích. Ngoài ra tại Điều 48 của BLHS năm 1999 có quy định các tình tiết tăng nặng, nếu trong điều luật của tội đó không có quy định tình tiết "phạm tội có tính chuyên nghiệp" là tình tiết định khung hình phạt thì

phải áp dụng tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại điều này, còn nếu quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt thì không được áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS.

- Thu lợi bất chính lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn

Theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị từ mười triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng là có giá trị rất lớn; Tiền hoặc hiện vật có giá trị từ một trăm triệu đồng trở lên là có giá trị đặc biệt lớn.

- Tái phạm nguy hiểm

Tình tiết tái phạm nguy hiểm được quy định tại khoản 2 Điều 49 BLHS 1999, theo đó trong trường hợp người phạm tội bị kết án về tội nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý hoặc trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cố ý phạm tội

Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm cần phải làm rõ một số vấn đề sau:

Thứ nhất, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS là tội phạm ít nghiêm trọng, quy định tại khoản 2 Điều 249 BLHS là tội phạm nghiêm trọng. Do đó nếu người phạm tội tổ chức đánh bạc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 249 BLHS, mặc dù trước đó đã bị kết án về tội nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích thì chỉ là phạm tội trong trường hợp tái phạm chứ không phải là tái phạm nguy hiểm. Người phạm tội bị áp dụng tình tiết "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS chứ không bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 249 BLHS.

Thứ hai, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là tội phạm do lỗi cố ý. Trong trường hợp tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội đánh bạc thì đây là trường hợp tái phạm nguy hiểm, người phạm tội có ít nhất hai tiền án trở lên, án tích đầu tiên là án tích do cố ý hoặc vô ý về bất kỳ tội danh nào (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng), án tích thứ hai là một trong các tội cố ý ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm

tội. Đối với trường hợp phạm tội thuộc điểm c khoản 2 Điều 249 BLHS, nếu phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị lớn từ năm mươi triệu đồng trở lên thì khi xét xử, Tòa án phải áp dụng cả ba tình tiết định khung quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 249 BLHS

** Hình phạt bổ sung đối với người phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc:*

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cần lưu ý nếu không áp dụng hình phạt tiền đối với người phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là hình phạt chính thì mới áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Qua những vướng mắc về quy định tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong BLHS năm 1985, trong BLHS năm 1999 đã tách tội đánh bạc thành hai điều luật riêng biệt đó là tội đánh bạc (Điều 248) và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 249), điều này góp phần tạo sự thuận lợi của công tác xét xử trong thực tiễn Tòa án.

1.3. Các quy định về các tội phạm về cờ bạc trong Bộ luật hình sự 2015

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tư duy lập pháp hình sự, tiếp tục tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh phòng chống tội phạm; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của các tổ chức và của công dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Các tội về cờ bạc cũng được sửa đổi theo hướng tăng hình phạt và nới rộng khung hình phạt

a/ Hình phạt của tội đánh bạc được quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự Việt Nam 2015

** Khung cơ bản:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015, thì người phạm tội đánh bạc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

So với quy định tại Điều 248 BLHS năm 1999 thì Điều 321 BLHS năm 2015 đã có những điểm mới như sau:

* Về cấu thành tội phạm, Điều 321 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng vừa mở rộng, vừa thu hẹp. Thu hẹp ở chỗ: Theo Điều 248 BLHS năm 1999, nếu trước đó người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép chưa bị kết án và được xóa án tích về tội đánh bạc hoặc về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thì chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu số tiền hoặc hiện vật dụng để đánh bạc trái phép có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, nay theo Khoản 1 Điều 321 đã nâng mức khởi điểm để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc lên 5.000.000 đồng đối với người phạm tội lần đầu. Mở rộng ở chỗ: theo Điều 248 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với số tiền 2.000.000 đồng thì chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu trước đó đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; nay theo Điều 321 BLHS năm 2015, người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với số tiền hoặc hiện vật dưới 5.000.000 đồng, ngoài trường hợp trước đó đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nhưng nếu trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc hoặc hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc.

Bên cạnh đó, nếu như tại Điều 248 BLHS năm 1999 quy định có thể lựa chọn giữa phạt tiền và phạt tù là hình phạt chính thì tại Điều 321 BLHS năm 2015 đã bỏ hình phạt tiền. Tại khoản 1 điều luật quy định: "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm". Theo đó giữa quy định của BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015, đối với người vi phạm lần đầu thì mức cải tạo không giam giữ vẫn là 03 năm; nhưng mức khởi điểm của hình phạt tù đã tăng từ 03 tháng đến 06 tháng.

** Khung tăng nặng:*

Mức khởi điểm khung hình phạt của Khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015 đã nâng hình phạt tù từ 02 năm lên 03 năm; và giữ khung hình phạt là 07 năm là mức phạt tù cao nhất đối với những hành vi thỏa mãn các tình tiết tăng nặng đó là: *Có*

tính chất chuyên nghiệp; Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên; Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội; Tái phạm nguy hiểm.

Ngoài những tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999 thì tại khoản 2 Điều 321 bổ sung một tình tiết tăng nặng mới đó là “Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội” do tình hình kinh tế - xã hội phát triển, hình thức đánh bạc cũng đa dạng, tinh vi hơn.

* *Hình phạt bổ sung:* Được quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 đã tăng mức hình phạt tiền từ "3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng" lên "10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Như vậy, tổng quan so sánh tội đánh bạc được quy định giữa Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 có thể thấy rằng tội đánh bạc được quy định trong bộ luật Hình sự năm 2015 đã nới rộng hơn mức khởi điểm để truy cứu trách nhiệm hình sự của tội đánh bạc từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng đối với người phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, khi người phạm tội đánh bạc bị bắt thì mức phạt đối với người này lại tăng nặng hơn.

b/ Hình phạt của tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự Việt Nam 2015.

* *Khung cơ bản:*

So với Điều 249 BLHS năm 1999, Điều 322 BLHS năm 2015 cũng có những điểm mới như sau:

Ngoài dấu hiệu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi đánh bạc hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội đánh bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm như quy định tại Điều 249 BLHS năm 1999, Điều 322 BLHS năm 2015 còn bổ sung một số tình tiết là dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm; đó là

- Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

- Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc

trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

- Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

- Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc; luật sư hình sự giỏi

Khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 đã tăng mức hình phạt tiền từ “10.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng” lên “50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng”. Còn về hình phạt tù vẫn giữ nguyên từ 01 năm đến 05 năm.

* *Khung hai:* Tại khoản 2 Điều 322 BLHS năm 2015, hình phạt chính được nhà làm luật nâng mức khởi điểm của khung hình phạt tù từ 03 năm lên 05 năm đối với những hành vi thỏa mãn các tình tiết tăng nặng: *Có tính chất chuyên nghiệp; Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên; Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội; tái phạm nguy hiểm.*

Trong đó quy định cụ thể tình tiết “Thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn” bằng dấu hiệu “Thu lợi bất chính 50 triệu đồng trở lên” và bổ sung thêm “Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc khoản 2 Điều luật.

* *Hình phạt bổ sung:* Được quy định tại khoản 3 điều là hình phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, tuy nhiên, quy định tại Điều 322 đã tăng mức hình phạt tiền từ “5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” lên “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

So sánh quy định về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc giữa BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và BLHS năm 2105, thì quy định tại điều 322 Bộ luật hình sự 2015 cụ thể và rõ ràng hơn, các quy định Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao được cụ thể hóa vào điều luật nhiều hơn.

Tiểu kết chương 1

Các tội phạm về cờ bạc đã được xác định từ thời phong kiến cho đến nay, cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, các hành vi phạm tội cờ bạc ngày càng có

tính chất phức tạp và tinh vi.

Sau khi phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam, chúng tôi đã làm sáng tỏ bốn dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm của tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc như mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể và chủ thể. Từ đó có thể thấy rằng các hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là những hành vi xâm phạm trực tiếp đến trật tự nơi công cộng, tình hình trị an, nếp sống văn minh của xã hội được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật, người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn sát phạt nhau nhằm thu lại lợi ích vật chất từ người thua hoặc người tổ chức mà bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy những quy định của pháp luật hiện hành về tội danh này cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để ngăn chặn loại tội phạm này. Tuy chương 1 đã làm rõ những vấn đề lý luận của các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hiện nay, nhưng trong công tác đấu tranh, phòng chống tệ nạn cờ bạc đã xuất hiện nhiều hạn chế, vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn. Do đó đây là tiền đề để tại chương 2 có thể xem xét, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Thực tiễn định tội danh các tội cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh các tội phạm về cờ bạc

Có ba giai đoạn: Định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt thể hiện quá trình áp dụng quy phạm pháp luật hình sự, trong đó định tội danh là giai đoạn quan trọng nhất vì từ giai đoạn khởi tố đến thi hành án thì định tội danh được tiến hành ở tất cả các giai đoạn. Định tội danh có thể được hiểu là "*việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự*" [37, tr. 09-10].

Định tội danh có các đặc điểm sau:

- Định tội danh được thể hiện dưới hai khía cạnh là quá trình nhận thức giữa lý luận và thực tiễn một cách logic: Trước hết cần xác định hành vi đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong BLHS hay không, từ đó đánh giá hành vi đã thực hiện về mặt pháp lý hình sự trong thực tế.

- Về nội dung, hình thức của quá trình định tội danh phải đúng theo các quy định trong Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án định tội danh là hoạt động cụ thể hóa các quy định của pháp luật hình sự dựa trên cơ sở khách quan, đầy đủ của hành vi phạm tội trên thực tế.

Việc định tội danh hết sức quan trọng vì nó ảnh hưởng đến việc hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, quyết định đến kết quả của quyết định hình phạt. Cụ thể:

- Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt có căn cứ pháp luật. Các nguyên tắc tiến bộ trong nhà nước pháp quyền như nguyên tắc công minh, nhân đạo, nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm... sẽ được thừa nhận nếu định tội

danh đúng.

- Định tội danh đúng là cơ sở để các quy phạm pháp luật trong tổ tụng hình sự được áp dụng một cách chính xác, tránh việc người có hành vi không gay nguy hiểm cho xã hội bị kết án.

Tuy nhiên, việc định tội danh sai sẽ mang đến nhiều hậu quả tiêu cực như làm giảm uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc đấu tranh phòng, chống tội phạm; trong quá trình truy cứu, điều tra, xét xử hình sự bỏ lọt người phạm tội hoặc làm oan người vô tội, xâm phạm đến các quyền tự do dân chủ của công dân.

2.1.2. Kết quả định tội danh

Trong những năm gần đây, các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn ra khá phức tạp và gây ra những thiệt hại về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về cờ bạc được quan tâm. Qua thống kê và phân tích số liệu các kết quả báo cáo tình hình các tội phạm về cờ bạc của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 - 2017, có thể đưa ra một số nhận định chung như sau:

Thứ nhất, các tội phạm về cờ bạc tuy chiếm tỉ lệ không lớn trong cơ cấu tội phạm trên địa bàn thành phố nhưng đang là một vấn nạn trong công tác đảm bảo tình hình an ninh trật tự xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân và tác động không nhỏ đến xã hội.

Thứ hai, nhìn chung, kết quả trên chỉ là một thể hiện mặt nổi của tình trạng tội phạm cờ bạc trên địa bàn thành phố. Sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là công nghệ số đã làm diễn biến của tội phạm này ngày càng tinh vi, phức tạp và khó phát hiện hơn. Đồng thời quy mô của các tổ chức đánh bạc được mở rộng nhờ sự móc nối, sử dụng công nghệ, kỹ thuật và một phần không nhỏ các tội phạm này chưa bị phát hiện và xử lý.

Thứ ba, các tội phạm về cờ bạc có xu hướng phát triển đối với nhóm người trẻ tuổi và có trình độ học vấn thấp. Tội phạm về cờ bạc ở nhóm này tỷ lệ thuận theo khi tình trạng bỏ học gia tăng, đặc biệt khi các đối tượng này phạm tội thường dẫn đến các hành vi phạm tội khác như trộm cắp, cướp giật tài sản, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng... Thực trạng này xuất phát từ một số nguyên nhân khách

quan và chủ quan sau : Thành phố Đà Nẵng là một trong những thành phố trực thuộc Trung ương với tình hình kinh tế đang phát triển nên dẫn đến nảy sinh và phát triển nhiều loại tội phạm, trong đó có các tội phạm về cờ bạc. Mặt khác, mặc dù tinh thần đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội nói chung và tội phạm cờ bạc nói riêng được chú trọng và thực hiện tích cực nhưng lực lượng bảo vệ pháp luật còn khá mỏng và yếu so với tình hình tội phạm phức tạp và gia tăng. Bên cạnh đó chưa có sự phối hợp giữa người dân và lực lượng bảo vệ pháp luật, có nhiều trường hợp người dân là người gây cản trở cho lực lượng bảo vệ, cơ quan chức năng, thi hành pháp luật.

* Phân tích số liệu thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời gian 05 năm từ (2013 đến 2017)

Bảng 2.1. Số liệu, tỷ lệ xét xử các vụ án tội đánh bạc với các tội phạm khác từ năm 2013 - 2017

Năm	Tổng hợp tội phạm		Tội đánh bạc		Tỷ lệ %	
	Số vụ	Số BC	Số vụ	Số BC	Số vụ	Số BC
2013	299	402	05	21	1,67%	5,22%
2014	279	405	09	33	3,23%	8,15%
2015	273	370	01	05	0,37%	1,35%
2016	280	392	09	32	3,21%	8,16%
2017	262	410	02	02	0,76%	0,49%
Tổng số	1393	1979	26	93	1,87%	4,7%

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Qua bảng trên ta có thể thấy số lượng các vụ án về cờ bạc từ năm 2013 đến năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã thụ lý và giải quyết 1393 vụ với 1979 bị cáo về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc. Số vụ án thụ lý giải quyết bình quân chiếm tỷ lệ 1,87% trên tổng số các loại án đưa ra xét xử, đây là số lượng vụ án chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng các loại án đưa ra xét xử. Số bị cáo phạm tội chiếm tỷ lệ 4,7% trên tổng số bị cáo đưa ra xét xử, trong đó năm 2014 nhiều nhất với 09 vụ - 33 bị cáo.

Bảng 2.2. Số liệu, tỷ lệ xét xử các vụ án tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với các tội phạm khác từ năm 2013 - 2017

Năm	Tổng hợp tội phạm		Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc		Tỷ lệ %	
	Số vụ	Số BC	Số vụ	Số BC	Số vụ	Số BC
2013	299	402	05	08	1,67%	1,99%
2014	279	405	10	31	3,58%	7,65%
2015	273	370	11	19	4,03%	5,14%
2016	280	392	05	17	1,79%	4,34%
2017	262	410	08	52	3,05%	12,68%
Tổng số	1393	1979	39	127	2,8%	6,42%

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Qua bảng số liệu trên, thấy rằng các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ 2013 đến 2017 được đưa ra xét xử chủ yếu là tội Đánh bạc với 26 vụ - 93 bị cáo bị cáo; tội Tổ chức đánh bạc 39 vụ - 127 bị cáo bị cáo. Tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc chủ yếu là xét xử theo khoản 1 điều 248, khoản 1 điều 249 BLHS. Trong thời gian nghiên cứu nhận thấy Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tiến hành xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không quá hạn luật định, không có trường hợp nào oan sai cũng như bỏ lọt tội phạm.

2.1.3. Một số tồn tại, vướng mắc trong việc định tội danh đối với các tội phạm về cờ bạc

Một là, áp dụng án treo không đúng.

Ví dụ: Từ tháng 08/2012 bị cáo Nguyễn Thị Cẩm Phượng tổ chức đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, Phượng còn thuê em gái là Nguyễn Thị Cẩm Trang phụ giúp mình ghi số đề cho người mua. Đến ngày 06/7/2013, Phượng bị bắt quả tang với tổng số tiền tổ chức đánh bạc được xác định trong hai ngày 05 – 06/07/2013 lên đến 82.806.500 đồng

Bị cáo Phượng đã bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tuyên bố phạm tội Tổ chức đánh bạc theo khoản 1 Điều 249 BLHS tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không đúng vì bị cáo không đủ điều kiện cho hưởng án treo

quy định tại nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vì trong trường hợp vừa có tình tiết giảm nhẹ vừa có tình tiết tăng nặng, thì tình tiết giảm nhẹ phải nhiều hơn hai tình tiết trở lên so với tình tiết tăng nặng thì mới được hưởng án treo. Trong vụ án này, bị cáo Phượng chỉ có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS và 02 tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, do Thẩm phán không nghiên cứu kỹ các chế định về án treo và việc tổng hợp hình phạt nên dẫn tới sai sót như đã nêu trên.

Hai là, Điều tra chưa đầy đủ dẫn đến giải quyết vụ án chưa triệt để, bỏ lọt tội phạm và định khung hình phạt chưa đúng:

Ví dụ: Vụ án bị cáo Nguyễn Đăng Duy cùng các bị cáo khác phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”. Vụ án này Cơ quan điều tra đã chứng minh tổng số tiền tổ chức đánh bạc của Tôn Nữ Thị Như là 1.274.877.000đ và Nguyễn Thị Ngọc Châu là 2.596.680.000đ đồng thời cũng xác định lai lịch cụ thể của các đối tượng Như, Châu tại Tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng không khởi tố, truy nã để xử lý trong cùng vụ án này là chưa triệt để, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Đối với Hồ Thị Ngọc Loan là người nhận và thống kê tịch đề cho Nguyễn Thị Thu Hoa để chuyển cho nhà cái trên (Nguyễn Đăng Duy) trong khoảng thời gian 02 tháng. Còn Nguyễn Thị Thu Liên để cho Hoa lắp đặt máy fax và tổ chức nhận, thống kê và chuyển tịch đề cho nhà cái trên tại nhà của Liên nhưng CQĐT, VKS không khởi tố điều tra xử lý Loan và Liên về tội “Tổ chức đánh bạc” là bỏ lọt tội phạm.

Khi bắt CQĐT thu giữ tại nhà Bùi Việt Hùng 174 chứng từ liên quan đến việc “Tổ chức đánh bạc” nhưng quá trình điều tra chưa làm rõ số chứng từ này của ai? Liên quan việc tổ chức đánh bạc trong vụ án này thế nào?

Bên cạnh đó, quá trình điều tra, nhiều biên bản lời khai, bản tự khai Nguyễn Đăng Duy đều xác định đã thu lợi bất chính lớn và sử dụng để mua 01 xe ô tô 1,2 tỷ, làm nhà 1,5 tỷ; chung vốn với cha vợ để kinh doanh xe ô tô. Việc này phù hợp với lời khai của Mai Thị Đào là Đào chuyển cho Duy tổng 5,6 tỷ nhưng Duy chỉ chuyển lại cho Đào để chung cho người chơi thắng 3 tỷ, đồng thời phù hợp với các chứng từ chuyển tiền giữa Duy - Hùng - Đào và các bị cáo khác. Gia đình Duy cũng

tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính cho Duy 250 triệu. Nhưng sau khi tại ngoại, Duy thay đổi lời khai cho rằng không thu lợi bất chính. Cấp sơ thẩm căn cứ lời khai này để xác định Duy không thu lợi bất chính và tuyên trả xe ô tô, hủy bỏ kê biên nhà là không đúng.

Hơn nữa, các bị cáo Bùi Việt Hùng và Trương Văn Hòa là đồng phạm giúp sức cho Duy, Hoa và các bị cáo khác trong vụ án này. Hùng là người đi giao nhận và chuyển tiền giữa Duy với các nhà con và ngược lại. Hòa là người lắp đặt máy fax, đi nhận tịch đề cho Hoa và các bị cáo khác. Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2016/HSST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố, xét xử Duy, Hoa và một số bị cáo khác theo điểm a khoản 2 Điều 249 BLHS nhưng chỉ truy tố xét xử Hùng và Hòa theo khoản 1 Điều 249 BLHS là không đúng. Ngoài ra còn có một số sai sót khác.

Với những sai sót trên lẽ ra ra phiên tòa HĐXX phải tiếp tục trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng lại không trả mà xét xử luôn theo Cáo trạng là không đúng. Vì những lý do trên mà HĐXX cấp phúc thẩm đã hủy án để điều tra lại

Ba là, Khi quyết định mức phạt tiền đối với người bị kết án, các Tòa án các cấp đều không vận dụng Khoản 3 Điều 30 BLHS, tức là không xem xét tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động giá cả khi quyết định hình phạt dẫn đến hình phạt tiền trong nhiều bản án không thực hiện được trong thực tiễn.

Ví dụ: Khoảng 13h30' ngày 27/6/2014, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu nhận được tin báo có một nhóm người đang tụ tập đánh bạc ở khu đất trống thuộc tổ 107, Thủy Tú, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Khi lực lượng Công an quận Liên Chiểu đến hiện trường phát hiện một số người đang đánh bạc với hình thức xóc đĩa nên đã ập vào bắt quả tang, những người tham gia đánh bạc đã bỏ chạy tán loạn và Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu chỉ bắt giữ tại hiện trường 09 người tham gia đánh bạc gồm: Lê Văn Tuyên, Phạm Đức Thịnh, Nguyễn Duy Vinh, Trương Như Tú, Võ Thị Thu, Nguyễn Thị Mai Hoa, Nguyễn Thị Thu Hiền, Lê Thị Kim Vân và Đặng Thị Thúy.

Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tuyên các bị cáo phạm tội Đánh bạc và phạt mỗi bị cáo 7.000.000đ. Tuy nhiên HĐXX không đề cập đến hoàn cảnh gia đình bị cáo Nguyễn Thị Mai Hoa có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động

chính trong gia đình đang nuôi 03 con nhỏ và 01 mẹ già trên 80 tuổi. Bản thân bị cáo bị tật nguyền, thường xuyên đau ốm. Bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế để miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bốn là, vướng mắc đối với việc xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc
Cấu thành cơ bản của tội đánh bạc được quy định tại Khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 như sau:

"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm."

Việc xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc làm cơ sở truy cứu TNHS người đánh bạc quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010, theo đó tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc được xác định từ các nguồn sau: a) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc; b) Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc; c) Tiền hoặc hiện vật thu giữ ở những nơi khác mà có đủ căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc. Điều này nhằm xác định rõ chỉ những tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc được thu giữ từ các nguồn ở trên thì mới dùng để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ví dụ: Vào khoảng 11 giờ ngày 15/11/2014, tại một quán Cafe ở phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, các đối tượng Trần Văn Bình, Nguyễn Minh Huy, Trương Đình Tuấn, Nguyễn Thành Tín đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm, thu giữ tại chiếu bạc 4.050.000 đồng, thu giữ trong người Tuấn 10.000.000 đồng, Huy 1.000.000 đồng. Trương Đình Tuấn mang theo số tiền 10.000.000 đồng ngay từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang, cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ toàn bộ số tiền trong người của những người tham gia đánh bạc, nhưng Tòa án lại xác định bị cáo chỉ sử dụng số tiền 1.000.000 đồng trong tổng số tiền mang theo để đánh bạc, tuyên trả cho bị cáo 9.000.000 đồng. Trong trường hợp này việc thu giữ tiền trong người con bạc và xác định có hay không có căn cứ dùng

số tiền đó đánh bạc hay không trong thực tiễn là rất khó, chính vì vậy việc người tiến hành tố tụng xác định số tiền dùng để đánh bạc chỉ có 1.000.000 đồng là không có căn cứ và cơ sở, theo ý thức chủ quan của mình dẫn đến xác định sai tổng số tiền dùng để đánh bạc.

Trong khi đó, theo Từ điển Tiếng Việt, “thu giữ” là “dùng quyền lực giữ lại đồ vật, hàng hóa để chờ xử lý theo pháp luật”. Cho nên, chỉ tiền hoặc hiện vật được cơ quan có thẩm quyền thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang hoặc qua khám xét thu giữ được thì mới được xác định là tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc. Trong thực tế hiện nay, việc xác định tiền và hiện vật dùng để đánh bạc bao gồm những nguồn được viện dẫn như hướng dẫn tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 là chưa phù hợp bởi trong nhiều trường hợp khi các đối tượng bị bắt quả tang đang phạm tội đánh bạc thì chạy trốn mang theo cả tiền đánh bạc bỏ trốn, sau đó ra đầu thú và tự giao nộp lại số tiền đó. Vì các lý do sau:

Thứ nhất, quy định như khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 sẽ bỏ sót những khoản tiền hoặc hiện vật được dùng để đánh bạc nhưng không bị thu giữ trong trường hợp con bạc bỏ trốn mang theo trong các vụ án đánh bạc mà nhiều người cùng đánh bạc với nhau được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 nhưng sau đó không thu giữ được hoặc do các con bạc tự giao nộp. Quy định này gây bất công trong việc xác định TNHS đối với những người đánh bạc tuân thủ việc bắt quả tang của cơ quan có thẩm quyền và những người cố ý vi phạm, bỏ trốn.

Thứ hai, tại Nghị quyết số 01/2010, quy định giữa khoản 3 Điều 1 và điểm b khoản 4 Điều 1 còn mâu thuẫn nhau. Vì trên thực tế, nếu trường hợp đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá, chơi số đề thì ngay khi thỏa thuận không phải lúc nào các bên cũng đưa ngay số tiền đánh bài, hoặc nếu có đưa thì bên tổ chức đánh bạc không đại gì mang số tiền đó theo bên người. Thông thường, để xử lý TNHS trong các vụ ghi số đề, cá độ bóng đá việc xác định số tiền đánh bạc là dựa trên các phôi, kèo cá độ của các chủ đề, chủ cá độ bị thu giữ. Tuy nhiên, nếu thu giữ tiền và hiện vật dùng để đánh bạc dựa trên 3 nguồn đã viện dẫn thì không thể đủ sức răn đe để đấu tranh phòng chống tội phạm đối với hành vi đánh bạc này.

Mặt khác, nếu chỉ căn cứ vào tiền hoặc hiện vật được thu giữ dựa trên 03 nguồn được viện dẫn tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 để xác định số tiền

dùng để đánh bạc thì trường hợp “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS rất hiếm hoặc có thể là không có xảy ra hoặc không thể truy cứu TNHS người đánh bạc với tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 BLHS được hướng dẫn tại các điểm c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010. Chính vì vậy mà quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 về việc xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc cần bổ sung thêm tiền và hiện vật dùng để đánh bạc không thu giữ được để phù hợp với thực tiễn.

Ngoài ra trên thực tế có nhiều trường hợp nếu nhiều người cùng tham gia đánh bạc thì việc xác định số tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc rất khó, bởi có sự khác biệt giữa hai trường hợp “*nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau*” và “*một người đánh bạc với nhiều người*” vì căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự khác nhau. Tại khoản 4 Nghị quyết số 01/2010 có quy định trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau nhưng không làm rõ khái niệm “đánh bạc với nhau” là nhiều người ngồi chung sòng bạc hay trực tiếp thắng thua với nhau. Cụ thể có hai hình thức chơi bài cào như sau: một là cào rùa, các con bạc đặt một số tiền như nhau vào giữa bàn chơi, bài người nào lớn điểm nhất thì sẽ gom hết số tiền trên; hai là cào cái, mỗi con bạc sẽ so bài với nhà cái để ăn thua. Trong dạng đầu tiên là “nhiều người cùng tham gia đánh bạc” nhưng đối với dạng thứ hai, nếu khi bắt quả tang thì công an có xác định những người đang ngồi cùng sòng có phải là “đánh bài với nhau” hay không, từ đó cộng dồn số tiền và hiện vật dùng để đánh bạc trên chiếu bạc để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự hay không. Đây là một vấn đề cần được pháp luật hướng dẫn cụ thể.

- *Kết luận số tiền mà bị cáo dùng vào việc tổ chức đánh bạc chưa chính xác:*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2016/HSST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Nguyễn Ngọc Lâm phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 BLHS. Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định số tiền bị cáo tổ chức đánh bạc là 47.760.000đ gồm tiền bị cáo đã ghi cá độ bóng đá (19.760.000đ) và tiền trong tài khoản cá độ trên mạng (28.000.000đ), đồng thời tuyên truy thu của bị cáo 28.000.000đ trong tài khoản này là không đúng. Vì tiền trong tài khoản mạng cá độ chỉ là tiền ảo để xác định hạn mức bị cáo được phép ghi cá độ.

Năm là, việc xác định các loại phương tiện thanh toán việc được, thua của tội đánh bạc gặp khó khăn .

Phương tiện thanh toán trong việc đánh bạc là tiền hoặc hiện vật, việc xác định giá trị của tiền hoặc hiện vật dùng để định tội danh, định khung hình phạt có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên việc xác định các loại phương tiện thanh toán được thua của các tội cờ bạc; xác định số tiền giá trị tài sản hoặc giá trị hiện vật mà con bạc sử dụng để đánh bạc, chơi số đề, cá độ đua ngựa, cá độ bóng đá... gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng vì các quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn về vấn đề trên còn tồn tại nhiều bất cập.

Xét về mặt lý luận và thực tiễn, phương tiện phạm tội của tội đánh bạc được xác định bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, các giấy tờ có giá trị thanh toán khác hoặc đồ vật, các quyền về tài sản được dùng để đánh bạc, đây là khái niệm được hiểu theo khái niệm tài sản. Còn pháp luật quy định phương tiện phạm tội tại khoản 1 Điều 248 BLHS thì là tiền hoặc hiện vật, thực ra khái niệm này được hiểu hẹp hơn so với từ ngữ dùng để diễn đạt, vì vậy mà dẫn đến trong thực tiễn áp dụng, các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều vướng mắc trong nhiều trường hợp cần xác định tiền và giá trị tài sản dùng để đánh bạc.

Ví dụ: Hồi 20 giờ ngày 25/7/2013 Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang tại nhà riêng của Nguyễn Thị Mai Hoa tổ chức cho 08 đối tượng đánh bạc. Vật chứng thu được gồm một bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, tổng số tiền mặt là 6 triệu đồng, 05 sổ tiết kiệm có tổng số tiền là 300 triệu đồng, 3000USD, 65 giấy biên nợ và nhiều hiện vật khác.

Trường hợp như vụ án đã nêu ở trên, nếu xác định phương tiện phạm tội là tiền hay hiện vật theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS để làm căn cứ định tội danh, định khung hình phạt là một thiếu sót lớn, vì các tài sản khác như sổ tiết kiệm... cũng có giá trị. Bên cạnh đó, các con bạc sẽ lợi dụng thiếu sót này để không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thay vì sử dụng phương tiện thanh toán được thua bằng tiền hoặc hiện vật, người phạm tội sẽ sử dụng các tài sản khác như quyền tài sản, giấy tờ có giá trị được bằng tiền để đánh bạc.

Chính vì vậy, chúng ta nên thay quy định phương tiện thanh toán của tội đánh bạc là “hiện vật” bằng “tài sản”. như vậy sẽ phù hợp cả về mặt lý luận và thực

tiền hơn. Trên thực tế áp dụng pháp luật, có nhiều trường hợp sẽ không có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi đánh bạc nếu chỉ quy định là “Tiền và hiện vật”, vì trên thực tế người phạm tội khi sử dụng hiện vật để đánh bạc thường quy đổi thành tiền, để xác định giá trị hiện vật bao nhiêu thì chỉ dựa vào lời khai của các đối tượng trên nên rất khó xác định giá trị của hiện vật đó mà cần phải định giá tài sản để xác định. Do vậy đối với những hành vi có tính chất quy mô lớn, nếu chỉ xác định phương tiện thanh toán như trong điều luật sẽ bỏ sót người phạm tội, gây nguy hiểm cho xã hội.

Bên cạnh đó, việc xác định hiện vật nào được dùng để đánh bạc và giá trị quy đổi sang đơn vị tiền tệ ra sao vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ, vì vậy, cần có một văn bản hướng dẫn cụ thể vấn đề trên, để tạo điều kiện cho các cơ quan tố tụng áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015 *“Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”*. Như vậy chỉ cần quy định phương tiện thanh toán được thua của tội đánh bạc là việc dùng tài sản là đủ.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử diễn ra trong thực tế cho thấy việc xác định khoản tiền hay hiện vật dùng để đánh bạc đối với khoản tiền và hiện vật bắt quả tang thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc thì không gặp khó khăn gì, nhưng với trường hợp thu giữ được trong người phạm tội hoặc ở nơi khác một khoản tiền hay hiện vật thì việc xác định đây có phải là khoản tiền hay hiện vật sẽ được dùng cho việc đánh bạc hay không không phải là vấn đề đơn giản. Nếu người phạm tội không khai nhận về điều đó thì các cơ quan tiến hành tố tụng không có căn cứ để xác định tiền hoặc hiện vật này được hoặc sẽ được dùng để đánh bạc, theo nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo thì các đối tượng này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về khoản tiền hoặc hiện vật này theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Thanh mang theo 15 triệu đồng để đánh bạc cùng 8 người bạn, đang chơi thì Thanh cùng những người khác bị công an bắt quả tang thu giữ tiền trên chiếu bạc của Thanh là 1.000.000 đồng, còn số tiền còn lại để trong áo Tuấn nói để trả tiền viện phí cho mẹ. Việc xác định số tiền còn lại Thanh dùng để chơi bạc hay không là một vấn đề khó trong của các cơ quan điều tra trong thực tiễn xử lý người

phạm tội đánh bạc.

“Tiền và hiện vật dùng để đánh bạc” được quy định tại Điều 248 và Điều 249 BLHS năm 1999 có văn bản hướng dẫn áp dụng tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HDTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, theo đó các nguồn được coi là tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc bao gồm a) *Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng để đánh bạc; b) Tiền hoặc hiện vật thu giữ được ở những nơi khác mà có đủ căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng để đánh bạc*”. [35, tr1]

Quy định này của Nghị quyết là không rõ ràng, rất dễ bị lợi dụng bởi không có văn bản hướng dẫn cụ thể một cách chính thức rằng phải hiểu “có đủ căn cứ xác định” như thế nào cho đúng. Như vậy người thực hiện hành vi đánh bạc sẽ tìm nhiều cách để khoản tiền hoặc hiện vật bị cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ không bị coi là đã, đang hoặc sẽ được sử dụng để đánh bạc. Do đó để góp phần trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi đánh bạc, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm đang ngày càng gia tăng, cần phải có một văn bản hướng dẫn cụ thể về việc xác định phương tiện thanh toán trong việc thắng thua của tội đánh bạc.

Sáu là, đối với việc xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của người chơi đề, cá độ, chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc.

Theo Nghị quyết số 01/2010 hướng dẫn xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc của người chơi đề, cá độ và của chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc quy là tổng số tiền họ tham gia đánh bạc cùng với số tiền mà người chơi đề, cá độ trúng thưởng được quy định như sau:

Tại điểm a mục 5.1 Điều 1 về xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của người chơi đề, cá độ dùng đánh bạc trong trường hợp người chơi số đề, cá độ có trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ cộng với số tiền thực tế mà họ được nhận từ chủ đề, chủ cá độ.

...

Tại điểm a mục 5.2 khoản 5 Điều 1 về xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc trong trường hợp có người chơi số đề, cá độ trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc là toàn bộ số tiền thực tế mà chủ đề, chủ cá độ đã nhận của những người chơi số đề, cá độ và

số tiền mà chủ đề, chủ cá độ phải bỏ ra để trả cho người trúng (có thể là một hoặc nhiều người)... [51, tr1]

Dựa trên quy định trên điều luật chúng tôi cho rằng, việc xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trong trường hợp này không chỉ dựa vào thời điểm phát hiện hành vi vi phạm mà còn dựa vào hành vi đã thực hiện, như vậy là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cách tính số tiền chưa thật sự ôn. Trong khoa học luật hình sự, để đánh giá được mức độ tính chất hành vi phạm tội của người thực hiện hành vi đánh bạc thì phải chia quá trình thực hiện hành vi phạm tội qua ba giai đoạn, tùy vào hành vi phạm tội bị phát hiện khi thực hiện ở giai đoạn nào thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự đặt ra tương ứng. Tùy vào từng giai đoạn theo thứ tự như chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành mà việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo hướng hình phạt nghiêm khắc hơn. Ngoài ra việc truy cứu trách nhiệm hình sự còn phải căn cứ vào hành vi mà họ thực hiện, đối với hành vi đã được thực hiện xong, thì căn cứ vào hậu quả để truy cứu trách nhiệm hình sự, việc dựa vào hậu quả chỉ áp dụng trong trường hợp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Mặt khác đối với tội đánh bạc, hành vi phạm tội đã hoàn thành từ thời điểm hai bên thỏa thuận xong số tiền đánh bạc và tỷ lệ thắng thua nhưng theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 thì việc truy cứu TNHS lại người đánh bạc lại dựa vào thời điểm phát hiện tội phạm, dù con bạc bị phát hiện hành vi phạm tội trước hay sau khi có kết quả thắng thua thì hành vi đó cũng chấm dứt và sẽ bị xem xét để xử lý. Hơn nữa người thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc là thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Trong khi đó, để xử lý việc các bên đã chung chi số tiền thắng đề, cá độ thì cơ quan tiến hành tố tụng hoàn toàn có thể áp dụng các quy định tại Điều 41 BLHS và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung công số tiền thu lợi bất chính.

Bên cạnh đó, cũng có những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về việc xác định số tiền đánh bạc dựa vào thời điểm phát hiện tội phạm.

Chẳng hạn, vào lúc 16 giờ ngày 22/5/2015, chủ đề X đang ghi đề với số tiền trên các phôi đề thể hiện là 1.300.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ, tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS, số tiền dùng để đánh bạc chưa đủ định lượng là 2.000.000 đồng, nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự

của chủ đề X. Đến khoảng 17 giờ, sau khi dò kết quả xổ số trên đài truyền thanh, biết mình trúng đề nên Y đến nhà của chủ đề X để nhận tiền trúng, khi đến nhà X thì bị Công an mời về trụ sở làm việc. Qua điều tra xác minh làm rõ sự việc thì được biết Y có mua đề của X con số 52 với số tiền 200.000 đồng, xét tỷ lệ thắng thua hôm đó là 1 ăn 50 thì Y đã thắng được số tiền là 10.000.000 đồng ($200.000 \text{ đồng} \times 50 = 10.000.000 \text{ đồng}$), như vậy B đã đáp ứng được mặt khách quan của tội đánh bạc. Theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 thì trong vụ án này, việc vẫn duy trì cách tính tiền đánh bạc dựa vào thời điểm phát hiện tội phạm, thì chủ đề X do phát hiện hành vi phạm tội trước khi có kết quả xổ số nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trong khi đó Y do hành vi bị phát hiện sau khi có kết quả xổ số nên bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này là chưa đúng với nguyên tắc xác định hành vi phạm tội, nguyên tắc xác định lỗi, các giai đoạn thực hiện tội phạm mà pháp luật hình sự Việt Nam quy định và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này trong thực tiễn. Ngoài ra, việc phát hiện, xử lý đối với các hình thức cá độ bóng đá, đánh đề thì thường diễn ra trước khi có kết quả xổ số hoặc kết quả của trận đấu do đó quy định dựa vào mốc thời gian có kết quả thắng thua hay không khi phát hiện hành vi phạm tội là không cần thiết đối với việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội mà người đánh bạc đã thực hiện. Tuy nhiên, so với việc sử dụng tiền ảo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS (viết tắt là Nghị quyết số 01/2006) trước đây thì Nghị quyết 01/2010 quy định căn cứ để xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc là tiền trúng xổ số thực tế là một tiến bộ.

Vì vậy, để đấu tranh đối với loại tội phạm này đạt hiệu quả cao hơn cần nghiên cứu sửa đổi quy định này cho phù hợp với thực tiễn.

Bây là, đối với việc xác định người thực hiện hành vi đánh bạc phạm tội nhiều lần hay chỉ phạm tội một lần.

Mặc dù hành vi cá độ bóng đá một lần được xác định là cá độ trong một trận bóng đá được quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 1 theo hướng dẫn Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP nhưng trong thực tế cho thấy trong cùng một trận bóng thì người tham gia cá độ lại tham gia với nhiều vai trò khác nhau. Có thể hiểu mối quan hệ phức tạp này như sau: Trong cùng một trận đấu đó, một con bạc đứng ra làm chủ cá độ

nhưng đồng thời lại là con bạc của một chủ cá độ khác với mức tiền khác. Vậy trong trường hợp này, con bạc thực hiện hành vi cá độ với số tiền trên 2.000.000 đồng mỗi lần cá độ thì xác định người này là phạm tội một lần hay phạm tội nhiều lần?

Ví dụ, A và B đến quán cà phê của C để xem giải bóng đá vô địch châu Âu năm 2016 giữa hai đội Anh và Nhật Bản được phát trực tiếp vào lúc 03 giờ ngày 11/7/2016, tại đây A và B đặt cược với C kết quả đội Anh thắng với số tiền mỗi người là 10.000.000 đồng. Sau đó C lại gọi điện cho D để đặt cược trận đấu trên nhưng kết quả chung cuộc thì đội tuyển Nhật Bản thắng. số tiền mà C “bắt độ” với D là 20.000.000 đồng

Như vậy có trong trường hợp này có thể thấy trong cùng một trận bóng đá, C là chủ cá độ của A và B nhưng lại là con bạc của D. Theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP thì: *“Trường hợp đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... thì một lần chơi số đề, một lần cá độ bóng đá, một lần cá độ đua ngựa... (để tính là một lần đánh bạc) được hiểu là tham gia chơi trong một lô đề, tham gia cá độ trong một trận bóng đá, tham gia cá độ trong một kỳ đua ngựa... trong đó người chơi có thể chơi làm nhiều đợt. Trách nhiệm hình sự được xác định đối với người chơi một lần đánh bạc trong các trường hợp này là tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để chơi trong các đợt đó”*. Nếu căn cứ hướng dẫn tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP thì trong trường hợp này xác định C chỉ tham gia đánh bạc một lần.

Ở trường hợp khác, cũng trong trận bóng đá nói trên, E ngồi nhậu cũng với những người bạn của mình tại quán nhậu quả F là chủ cá độ bóng đá, E có ghi độ số tiền 5.000.000 đồng cược Nhật Bản thắng. Sau khi nhậu xong, vẫn chưa đến giờ đá bóng nên E rủ bạn của mình ngồi uống cà phê tại quán cà phê của H để chờ phát bóng đá, H cũng là chủ cá độ bóng đá, tại đây E tiếp tục ghi độ với H số tiền 7.000.000 đồng cược Nhật Bản thắng. Như vậy E đã cá độ ở hai địa điểm khác nhau trong cùng một trận đá bóng, mỗi lần đều trên số tiền 2.000.000 đồng, nếu hai vụ việc trên được phát hiện ở hai thời điểm khác nhau thì bị truy cứu TNHS ở hai vụ án khác nhau, còn căn cứ theo điểm b khoản 4 Điều 1 theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01 thì chỉ xác định số lần E tham gia đánh bạc là 01 lần.

Do đó việc áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” gặp khó khăn nếu căn cứ

giữa quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP và Điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS; hoặc không thể áp dụng tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 248 BLHS, được hướng dẫn tại các Điểm c, d Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP để truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi cờ bạc

Như vậy, áp dụng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự với tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” đối với người đánh bạc trong trường hợp đánh bạc từ hai lần trở lên mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc từng lần có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên. Còn nếu người đánh bạc thực hiện hành vi đánh bạc từ năm lần trở lên mà tổng số tiền và hiện vật dùng để đánh bạc của từng lần có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên và lấy tiền, hiện vật đó làm nguồn sống chính thì bị truy cứu TNHS với tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự”.

Việc xác định “lần” đánh bạc trong cá độ bóng đá như hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01 vẫn còn những vướng mắc và bất cập chưa phù hợp. Vì vậy cần sửa đổi quy định này theo hướng: nếu cá độ đối với cùng một đối tượng thì trong cùng một trận bóng đá, xác định “lần” có thể được thực hiện làm nhiều đợt; còn nếu trong cùng một trận bóng đá, con bạc thực hiện hành vi cá độ làm nhiều đợt với nhiều người đối tượng khác nhau thì xác định đây là “phạm tội nhiều lần”

Tám là, đối với quy định về cộng dồn tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc.

Theo hướng dẫn quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010, đoạn đầu như sau:

Khi xác định TNHS đối với người đánh bạc không được tính tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc của tất cả các lần đánh bạc, mà phải căn cứ vào từng lần đánh bạc để xem xét; cụ thể như sau:

a) Trường hợp tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc đều dưới mức tối thiểu để truy cứu TNHS (dưới 2.000.000 đồng) và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu TNHS (đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của BLHS, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm) thì người đánh bạc không phải chịu TNHS về tội đánh bạc;

b) Trường hợp tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của lần đánh bạc

nào bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS (từ 2.000.000 đồng trở lên) thì người đánh bạc phải bị truy cứu TNHS về tội đánh bạc đối với lần đánh bạc đó.

Với hướng dẫn này, nếu người tham gia đánh bạc trước đây chưa bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại Điều 248 và Điều 249 BLHS năm 1999 tham gia đánh bạc nhiều lần, mỗi lần đánh đều có giá trị dưới 2.000.000 đồng thì đối tượng này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, người thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đều dưới mức tối thiểu trong một số trường hợp lại có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội nhiều hơn người chỉ thực hiện hành vi đánh bạc một lần bằng hoặc trên mức tối thiểu không đáng kể.

Chẳng hạn, Trần Thị M bán số đề liên tục mỗi ngày cho con bạc với số tiền mỗi ngày từ 200.000 đồng đến 1.500.000 đồng đến ngày bị công an bắt quả tang nhưng M không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn Nguyễn Viết H mới bán số đề được một ngày với số tiền 3.000.000 đồng bị bắt quả tang thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tương tự như người thực hiện hành vi đánh bạc 01 lần với số tiền đánh bạc là 2.000.000 đồng, nếu người tham gia đánh bạc nhiều lần mà mỗi lần đều trên mức tối thiểu 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, dù cộng tổng số tiền và hiện vật dùng để đánh bạc có nhiều hơn 50.000.000 đồng thì người đánh bạc cũng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999 và vẫn bị truy tố theo khoản 1 Điều 248 BLHS, đồng thời áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS về "phạm tội nhiều lần". Tuy nhiên dễ dàng nhận thấy rằng hành vi phạm tội của người phạm tội nhiều lần trên mức tối thiểu (cộng dồn trên 50 triệu đồng) so với hành vi của người chỉ đánh bạc một lần với số tiền đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu không đáng kể sẽ nguy hiểm hơn rất nhiều nhưng cùng bị truy cứu TNHS trong một khoản. Do đó khi định khung hình phạt không cho phép cộng dồn số tiền dùng để đánh bạc khi các lần đều trên mức tối thiểu là chưa được phù hợp.

Việc không cho phép cộng dồn số tiền dùng để đánh bạc khi mỗi lần thực hiện hành vi đều dưới mức tối thiểu 2.000.000 đồng nhưng tổng số tiền của các lần đánh bạc trên 2.000.000 đồng để truy cứu trách nhiệm hình sự và không cho phép cộng dồn số tiền dùng để đánh bạc khi mỗi lần thực hiện hành vi đều trên mức tối thiểu 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, tổng số tiền dùng để đánh bạc

của các lần trên 50.000.000 đồng để định khung hình phạt tăng nặng sẽ làm giảm khả năng đấu tranh phòng chống tội phạm nay. Bên cạnh đó, trong Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với những trường hợp con bạc đánh bạc với số tiền dưới 2.000.000 đồng nếu “đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc mà còn vi phạm” thì không bị xem xét truy cứu TNHS nữa. Chính vì vậy, với tình hình các tội phạm về cờ bạc có chiều hướng gia tăng, ngày càng phức tạp như hiện nay cần phải xem xét và hướng dẫn cách cộng dồn số tiền dùng để đánh bạc trong 02 trường hợp trên để góp phần hạn chế hành vi đánh bạc.

Về cách hiểu “hai chiếu bạc”: Ngày 26/11/2013 Công an quận T bắt quả tang tại nhà Nguyễn Văn A có 09 đối tượng đánh bạc tại 2 chiếu bạc. A không đánh nhưng cho các đối tượng khác đánh bạc tại nhà mình để thu tiền hồ. Kết quả điều tra xác minh: Chiếu bạc thứ nhất có 05 người đánh bạc bằng hình thức đánh 3 cây với số tiền dùng đánh là 6.500.000đ (Cơ quan điều tra đã khởi tố 5 đối tượng ở chiếu bạc này về tội đánh bạc). Chiếu bạc thứ hai có 04 người đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm với số tiền dùng đánh bạc là 1.800.00đ (các đối tượng này bị xử lý hành chính).

Quan điểm thứ nhất: Xác định tội danh đối với A phạm tội “Đánh bạc”. Theo nghị quyết số 01/2010/NQHĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy mô lớn là từ “2 chiếu bạc trở lên” thì cần được hiểu là phải bắt buộc cả hai chiếu bạc này đều phải xử lý được bằng hình sự. Vì vậy mặc dù A có hành vi gá bạc nhưng không thỏa mãn điều kiện “Quy mô lớn” nên chỉ xử lý tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức.

Quan điểm thứ hai: Hành vi của A bị xử lý về tội “Gá bạc”. Vì A có hành vi chứa 2 chiếu bạc cùng một lúc. Trong đó có 01 chiếu bạc có đủ định lượng tiền truy tố về tội đánh bạc thì bất kể chiếu bạc còn lại có đủ hay không đủ định lượng để truy tố về tội đánh bạc thì hành vi của A vẫn thỏa mãn gá bạc với “quy mô lớn”.

Tôi đồng tình với quan điểm thứ nhất bởi lẽ khái niệm chiếu bạc theo quy định của Pháp luật hình sự cần được hiểu là hành vi của những người đánh bạc có đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Mặt khác, Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQHĐTP hướng dẫn: Trường hợp người có hành vi gá bạc nếu số tiền dùng đánh bạc từ 2.000.000 đến dưới 50.000.000đ thì không xử lý về tội Gá bạc mà xử lý đồng phạm về tội Đánh bạc. Như vậy cần xác định chỉ xử lý hành vi gá bạc về tội đánh bạc khi

thỏa mãn tất cả các đối tượng tham gia về tội đánh bạc.

Chín là, về đồng phạm trong tội đánh bạc

Xem xét các quy định về đồng phạm tại Điều 20 BLHS năm 1999 trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về cờ bạc với các quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 về cách tính tiền hoặc hiện vật đánh bạc không có sự thống nhất với nhau. Theo khoản 1 Điều 20 BLHS quy định thì đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cùng thực hiện một tội phạm một cách cố ý.

Dựa trên vấn đề lý luận, các con bạc không thể tự đánh bạc với chính mình mà phải đánh với nhiều người (từ 02 người trở lên), là hành vi cố ý với mong muốn thu lợi được vật chất nhất định nên các yếu tố về chủ thể, lỗi, mặt chủ quan đều đáp ứng được quy định về đồng phạm tại khoản 1 Điều 20 BLHS. Mặt khác tiền hoặc hiện vật được xác định là tổng số tiền hoặc hiện vật mà các con bạc tham gia được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010, vì vậy thì các con bạc đều là đồng phạm của nhau đối với tổng số tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trong tất cả các hình thức đánh bạc nếu bị xử lý hình sự.

Tuy nhiên trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử thì thấy trong trường hợp bắt quả tang, đối với những người chỉ đánh một vài ván rồi thôi hoặc bỏ về, bỏ trốn thì thường cơ quan tiến hành tố tụng không điều tra hoặc xác định được thì cũng không truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ xử lý những người đánh bạc bị bắt quả tang ngay tại chiếu bạc. Viện kiểm sát, Tòa án gặp trường hợp này cũng không trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung và Tòa án cấp phúc thẩm cũng không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do bỏ sót người phạm tội. Đối với những trường hợp đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá, đua ngựa, chơi số đề thì thường những con bạc sử dụng số tiền để đánh bạc vượt quá mức tối thiểu để định lượng mới bị cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự, còn những con bạc chưa đủ căn cứ định lượng để xử lý thì chỉ bị xử lý hành chính hoặc mời tham gia các vụ án hình sự với tư cách là người làm chứng hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Do thực tiễn áp dụng như trên nên có nhiều ý kiến xảy ra về vấn đề này. Chẳng hạn như có ý kiến cho rằng Nghị quyết số 01/2010 đã phân hóa trách nhiệm hình sự của các đối tượng tham gia đánh bạc mà tiền đánh bạc của họ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không thể truy cứu trách nhiệm hình sự của họ với

tư cách đồng phạm trong vụ án theo quy định tại Điều 20 BLHS năm 1999 được, việc các cơ quan tiến hành tố tụng không truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng này là phù hợp với Nghị quyết số 01/2010.

Ngoài ra cũng có ý kiến khác cho rằng: Nếu số tiền được con bạc sử dụng để đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì đối tượng này vẫn là đồng phạm trong vụ án hình sự về tội đánh bạc. Tuy nhiên tại khoản 4 Điều 8 BLHS năm 1999 có quy định rằng "những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác" do đó hành vi của những đối tượng này vẫn phạm tội nhưng không bị các cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự là do chính sách hình sự đối với họ.

Theo như phân tích ở trên thì chúng tôi thấy rằng chỉ cần một trong các đối tượng tham gia đánh bạc sử dụng số tiền đánh bạc đủ yếu tố để định lượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì hành vi của các đối tượng khác cùng tham gia vào vụ án đánh bạc cũng bị coi là đồng phạm. Bởi vì không có sự phân hóa trách nhiệm hình sự của những người tham gia đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999. Quy định của Nghị quyết số 01/2010 nhằm cụ thể hóa TNHS của những người tham gia vào vụ án đánh bạc. Hành vi của những con bạc không đủ yếu tố định lượng (theo cách xác định của Nghị quyết số 01/2010) cũng cần xác định là hành vi phạm tội vì tiền hoặc hiện vật dùng để truy tố con bạc khác bao gồm cả số tiền, hiện vật mà con bạc không bị truy cứu TNHS trong đó.

Việc cơ quan tiến hành tố tụng không truy cứu trách nhiệm hình sự với các con bạc khi căn cứ vào khoản 4 Điều 8 BLHS, quy định phân hóa trách nhiệm hình sự trong Nghị quyết số 01/2010, không áp dụng quy định đồng phạm tại điều 20 BLHS là thiếu sót. Hành vi đánh bạc của những đối tượng sử dụng tiền để đánh bạc tuy chưa đủ yếu tố định lượng nhưng vẫn là hành vi phạm tội và là đồng phạm với các đối tượng đánh bạc khác bị khởi tố nhưng đối tượng này không bị xử lý hình sự là do chính sách hình sự. Vì vậy cần bổ sung vào Điều 1 Nghị quyết 01/2010 những quy định về đồng phạm đối với tội đánh bạc để áp dụng trong thực tiễn được thống nhất.

Mười là, vướng mắc khó khăn trong việc xử lý các hình thức đánh bạc trá hình, sử dụng công nghệ cao

Hiện nay xuất hiện thêm nhiều hình thức đánh bạc mới nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Chẳng hạn như gần đây xuất hiện loại máy chơi game có tên là bắn cá là trò chơi vui chơi giải trí rất phổ biến trong các khu vui chơi, siêu thị, trung tâm thương mại thị thu hút một lượng người chơi khá đông trong đó có cả trẻ em, có tới đa 08 người chơi với nhau cùng một lượt theo đó người chơi đặt tiền tính điểm, 01 điểm tương đương với 100 đồng. Tuy trò chơi này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng do sự quản lý còn lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ nên trò chơi này đã biến tướng thành một hình thức đánh bạc trá hình khi có sự thỏa thuận ngầm giữa người chơi và chủ máy về việc quy đổi mệnh giá của thẻ, nếu bị phát hiện thì chủ kinh doanh chỉ bị tịch thu hoặc xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra với sự phát triển của công nghệ mạng, hành vi đánh bạc còn được tổ chức bằng phương tiện công nghệ cao thông qua các trang web cá cược mà máy chủ được đặt ở nước ngoài, thanh toán bằng tài khoản quốc tế, hình thức đánh bạc này cũng chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể

2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc tại thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Cơ sở lý luận của quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc

Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt cụ thể hình phạt chính, hình phạt bổ sung để áp dụng đối với người phạm tội. Quyết định hình phạt có các đặc điểm sau: Đây là hoạt động được thực hiện sau khi xác định xong tội danh của của Tòa án, được thực hiện trên cơ sở các quy định được quy định trong pháp luật hình sự, là hoạt động chỉ được áp dụng đối với người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự với khung và hình phạt cụ thể.

Quyết định hình phạt đúng có ý nghĩa vô cùng to lớn vì đây là cơ sở pháp lý để đạt được kết quả mà nhà nước đặt ra và mong muốn là áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, điều này phụ thuộc vào quyết định của Hội đồng xét xử; đảm bảo được sự công bằng, mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng với nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Qua đó mà có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung đối với

xã hội; là cơ sở hỗ trợ cho các nguyên tắc trong nhà nước pháp quyền được phát huy, là công cụ cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được hiệu quả.

Các căn cứ quyết định hình phạt:

- Căn cứ các quy định của BLHS: Đây là cơ sở pháp lý để chính xác và thống nhất trong việc quyết định hình phạt trên cả nước vì nếu không căn cứ vào các quy định này thì sẽ dẫn đến tình trạng không tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội khi Tòa án quyết định hình phạt.

- Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc để tương xứng với hành vi đó. *"Vì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được nhà làm luật cân nhắc và thể hiện khi quy định tội phạm, quy định chế tài và khung chế tài đối với tội phạm. Do vậy, tất yếu trong quá trình xây dựng luật cũng quy định là khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc cả tính chất lẫn mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện"* [37, tr. 244]. Tòa án cần dựa vào những tình tiết như lỗi của từng trường hợp cụ thể (mức độ quyết tâm, động cơ phạm tội, phương tiện, thủ đoạn, phương pháp phạm tội), hậu quả gây ra có mức độ và tính chất mà hành vi phạm tội gây ra, hoàn cảnh phạm tội... để thống nhất mức hình phạt trong cùng một khung hình phạt trong trường hợp phạm tội khác nhau.

- Căn cứ vào nhân thân người phạm tội: Đây là căn cứ để Tòa án quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện mà còn phải phù hợp với khả năng cải tạo, giáo dục của người thực hiện hành vi phạm tội, với hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo

- Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Căn cứ này có mối liên hệ với hai căn cứ trên nên khi áp dụng, Tòa án cần áp dụng đúng nếu không sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc đánh giá hai căn cứ trên dẫn đến quyết định hình phạt không tương xứng với hành vi phạm tội. Đồng thời vẫn phải tuân theo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Ngoài ra Tòa án khi quyết định hình phạt còn căn cứ vào các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền như nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc

cá thể hóa... để quyết định hình phạt được đảm bảo tính công bằng, thống nhất và đạt được mục đích của hình phạt đề ra.

2.2.2. Kết quả quyết định hình phạt

Trong những năm gần đây, các tội phạm về cờ bạc đang là vấn đề xã hội quan tâm, gây nhiều bức xúc, dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, các tội phạm này diễn ra khắp mọi nơi, gây ra thiệt hại về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Do đó công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về cờ bạc ngày càng được chú trọng hơn, trong đó công cụ sắc bén, hữu hiệu nhất để đấu tranh phòng chống loại tội phạm này là những quy định về tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được quy định trong Bộ luật hình sự.

Trong 5 năm qua (2013 – 2017), trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã giải quyết tổng cộng 1393 Vụ - 1979 bị cáo, trong đó có 65 vụ - 220 bị cáo phạm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc và gần như được Tòa án định tội danh đúng và quyết định hình phạt phù hợp đối với những bị cáo phạm tội này.

Bảng 2.3: Số liệu thống kê các vụ án về tội đánh bạc đã xét xử của TAND thành phố Đà Nẵng trong 5 năm từ 2013 - 2017.

Năm	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù cho hưởng án treo	Giam
2013	0	0	5	3	13
2014	0	0	9	0	24
2015	0	0	0	0	04
2016	0	0	3	2	27
2017	0	0	0	01	01
Tổng	0	0	17	06	70

Nguồn: TAND thành phố Đà Nẵng.

Bảng 2.4: Số liệu thống kê các vụ án về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc đã xét xử của TAND thành phố Đà Nẵng trong 5 năm từ 2013 – 2017

Năm	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Tù cho hưởng án treo	Giam
2013	0	0	0	2	6
2014	0	0	0	5	26
2015	0	0	1	1	17
2016	0	0	0	0	17
2017	0	0	0	3	49
Tổng	0	0	1	11	115

Nguồn: TAND thành phố Đà Nẵng.

Qua bảng tổng hợp các hình phạt được áp dụng trong thời hạn 5 năm trên, thấy rằng hình phạt cải tạo không giam giữ áp dụng 01 bị cáo; Phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 11 bị cáo; Giam 115 bị cáo. Ngoài hình phạt chính khi quyết định hình phạt là hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và hình phạt tù, thì Hội đồng xét xử hầu như đều áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, theo số liệu thì đã áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền 60 bị cáo. Bên cạnh đó có thể thấy hình phạt tù được áp dụng nhiều nhất, chiếm tỷ lệ cao 90,55%.

Phạt tù chiếm tỷ lệ lớn trong các hình phạt được áp dụng, nhưng tình hình tội phạm năm sau vẫn cao hơn năm trước và chiếm một phần lớn trong tổng số các loại án đưa ra xét xử,, do đó cần phải có giải pháp phù hợp thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về chính sách hình sự hướng thiện, giảm hình phạt tù tăng hình phạt tiền đối với các tội xâm phạm khách thể trật tự công cộng.

2.2.3. Những thiếu sót và hạn chế:

Thứ nhất, thiếu sót khi quyết định hình phạt phạt tù cho hưởng án treo không đúng quy định.

Ví dụ : Vào tháng 02/2012, Nguyễn Thị Chín bán (ghi) số đề trực tiếp cho người chơi số đề rồi chuyển các phôi đề cho người phụ nữ tên Hồng để hưởng hoa hồng 7,7% trên số tiền thực tế bán được, phụ giúp cho Chín là Ngô Văn Hùng. Do nhiều lần mua số đề của Chín nên Đặng Công Tâm gặp Chín thỏa thuận Tâm bán số đề

cho người chơi số đề, gom tiền và tịch đề rồi đến nhà giao cho Chín để hưởng hoa hồng 6,4% trên số tiền thực tế bán được. Qua đó, Chín hưởng chênh lệch 1,3%. Tháng 07.2012, Võ Văn Tàu cũng đến gặp Chín nhận bán và chuyển số đề cho Chín để hưởng lợi 7,7%, việc giao nhận tịch đề bằng máy fax, tiền thắng thua nhận trực tiếp. Giữa tháng 9/2012, Đặng Thị Loan tìm đến nhà Chín thỏa thuận Loan làm chủ đề và Chín chuyên phối đề cho Loan để hưởng hoa hồng là 9%. Thấy mức hưởng lợi cao hơn nên Chín đồng ý chuyển số đề cho Loan và nâng tiền hoa hồng cho Tâm hưởng 7,7%. Sau đó, Nguyễn Thị Chín tiếp tục móc nối với Trương Thị Kim Sinh, Trần Thị Thủy và Võ Thị Thu Trang bán số đề và chuyển cho Chín để hưởng “hoa hồng” 7,7% trên số tiền thực tế bán được, việc giao nhận tịch đề và tiền thắng thua với Thủy, Trang, Sinh và cả Tàu đều do con trai của Chín là Ngô Long Quốc Dũng thực hiện.

Đến ngày 20.11.2012, thông qua Trần Vũ Lưu thì Chín biết Nguyễn Trường Thành làm chủ đề nên cùng Lưu gặp Thành để Chín móc nối và thỏa thuận Thành làm chủ đề, Chín chuyên phối đề cho Thành để hưởng mức “hoa hồng” là 10,3% trên tổng số tiền thực tế của phối đề, Thành phải đặt trước cho Chín 10.000.000đ để làm tin. Chín chuyên phối đề cho Thành bằng máy fax, Trần Vũ Lưu là người giao nhận tiền ăn thua cho Chín và Thành. Ngoài ra, trước đó vào ngày 30.10.2012, Nguyễn Trường Thành có nhờ Lưu tìm và móc nối với Nguyễn Sắc để Sắc bán số đề rồi chuyển cho Thành hưởng hoa hồng 9%. Việc giao nhận phối đề và tiền ăn thua giữa Thành và Sắc do Trần Vũ Lưu thực hiện, Lưu được Thành cho hưởng mức “hoa hồng” 5% trên số tiền mà Thành thắng được từ những người mua số đề của Sắc.

Trong ngày 30.11.2012, các bị cáo bán số đề đài Ninh Thuận và Gia Lai, cụ thể như sau: Nguyễn Thị Chín bán được 6.538.400đ, Ngô Văn Hùng bán được 4.798.000đ, Nguyễn Thị Kim Sinh bán được 3.750.000đ, Võ Thị Thu Trang bán được 2.400.000đ, Trần Thị Thủy bán được 2.640.000đ, Đặng Công Tâm 4.666.000đ, Võ Văn Tàu 2.272.000đ. Đến khoảng 17h00’ cùng ngày, tại nhà bà Huỳnh Thị Lý ở thôn Phú Hòa, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, trong lúc Nguyễn Thị Chín đang tổng hợp các tịch đề do các bị cáo bán được để chuyển cho Nguyễn Trường Thành và Đặng Thị Loan thì bị bắt quả tang. Riêng phối đề do Nguyễn Sắc bán, Trần Vũ Lưu đã chuyển cho Thành qua máy fax của Nguyễn Thị Chín ngay trước khi bị Công an huyện Hòa Vang bắt quả tang.

Bản án HSST số 34/2013/HSST ngày 19 tháng 09 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện Hòa Vang đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Chín, Đặng Công Tâm, Đặng Thị Loan về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 điều 249 BLHS, các bị cáo Nguyễn Trường Thành, Ngô Văn Hùng, Ngô Long Quốc Dũng, Trương Thị Kim Sinh, Trần Thị Thủy, Trần Vũ Lưu, Võ Văn Tàu, Võ Thị Thu Trang về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS. Trong vụ án này có 12 bị cáo tuy nhiên cấp sơ thẩm xử treo 09 bị cáo là quá nhẹ, không phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, không đúng với chủ trương của thành phố là xử nghiêm với tội phạm này. Ngoài ra bị cáo Trần Vũ Lưu vào năm 1992 bị xét xử về tội “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo là không đúng theo Nghị quyết 01/2013 ngày 6/11/2013 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa không đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng đối tượng dẫn đến sai sót trong việc áp dụng chế định về án treo

Thứ hai, việc áp dụng các các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tiễn còn thiếu sót

Đối với tình tiết phạm tội “có tình chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 và điểm a khoản 2 Điều 249 BLHS vẫn có nhiều sai sót trong quyết định hình phạt, phổ biến như: Việc vận dụng không đúng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hoặc vận dụng không đúng khoản 2 Điều 46 BLHS khi một số tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị bỏ sót trong vụ án dẫn đến quyết định hình phạt không phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội, quyết định sai. Có trường hợp trong vụ án có nhiều bị cáo, chỉ một bị cáo trong số đó được áp dụng tình tiết tăng nặng hoặc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng tất cả các bị cáo còn lại cũng bị áp dụng chung.

Mặt khác chưa có sự hiểu và đánh giá thống nhất của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân về tình tiết "Tái phạm", "Tái phạm nguy hiểm", nhất là những hành vi phạm tội tình tiết có tính chất tái phạm. Chẳng hạn như có sự dễ nhầm lẫn, có nhiều cách hiểu khác nhau, rất khó phân biệt trong trường hợp hành vi phạm tội sau thì bị xử trước, hành vi trước thì bị xử sau hành vi phạm tội mới, dẫn đến việc quyết định hình phạt chưa chính xác giữa áp dụng tình

tiết định khung tăng nặng trong điều luật quy định tại Điều 248 BLHS và Điều 249 BLHS hay áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong trường hợp “Tái phạm với Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm cần phải làm rõ một số vấn đề sau:

- Tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS là tội phạm ít nghiêm trọng, quy định tại khoản 2 Điều 248BLHS là tội phạm nghiêm trọng, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS là tội phạm nghiêm trọng, quy định tại khoản 2 Điều 249 BLHS là tội phạm rất nghiêm trọng. Do đó nếu người phạm tội đánh bạc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 248 BLHS hoặc khoản 1 và khoản 2 Điều 249 BLHS, mặc dù trước đó đã bị kết án về tội nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích thì chỉ là phạm tội trong trường hợp tái phạm chứ không phải là tái phạm nguy hiểm. Người phạm tội bị áp dụng tình tiết "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS chứ không bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248 BLHS hoặc hoặc điểm c khoản 2 Điều 249 BLHS .

- Tội đánh bạc, Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là tội phạm do lỗi cố ý. Trong trường hợp tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội đánh bạc thì đây là trường hợp tái phạm nguy hiểm, người phạm tội có ít nhất hai tiền án trở lên, án tích đầu tiên là án tích do cố ý hoặc vô ý về bất kỳ tội danh nào (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng), án tích thứ hai là một trong các tội cố ý ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Đối với trường hợp phạm tội thuộc điểm c khoản 2 Điều 248 BLHS hoặc điểm c khoản 2 Điều 249 BLHS, nếu phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc có giá trị lớn từ năm mươi triệu đồng trở lên thì khi xét xử, Tòa án phải áp dụng cả ba tình tiết định khung quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 248 BLHS hoặc hoặc tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 249 BLHS.

Thứ ba, chưa đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân người phạm tội.

Trong nhiều trường hợp, các căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội” và tính chất mức độ của những người tham gia thực hiện tội phạm với vai trò là đồng phạm chưa được đánh giá đúng trong quá trình quyết định hình phạt. Ngoài ra để ra quyết định hình phạt đúng đắn và đủ sức thuyết phục thì vấn đề về nhân thân người phạm tội như trình độ học vấn, tiền án, tiền sự, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, ý thức pháp luật... cũng cần được xem xét và cân nhắc

Ví dụ: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/7/2014, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng bắt quả tang tại kiệt 862 Ngô Quyền, Đặng Tấn Nhơn đang tổ chức cá độ bóng đá thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi tỷ số bóng đá cho ba mươi ba con bạc với tổng số tiền 4.930.000 đồng. Qua đó xác định Nhơn sau khi ghi tỷ số bóng đá cho các con bạc xong thì sẽ chuyển toàn bộ tỷ số ghi được trong ngày lại cho anh ruột là Đặng Tấn Phụng bằng tin nhắn điện thoại và hưởng tiền hoa hồng 12% trên tổng số tiền đã ghi được. Ngoài ra, còn xác định được tối ngày 04/7/2014 Phụng và Nhơn còn tổ chức cá độ bóng đá thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi tỷ số bóng đá trong trận Đức – Pháp diễn ra vào lúc 23 giờ 00 phút ngày 04/7/2014 cho ba mươi ba con bạc với số tiền 12.754.000 đồng và trận Brazil – Colombia diễn ra vào lúc 03 giờ 00 phút ngày 05/7/2014 cho mười tám con bạc với tổng số tiền 8.405.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2014/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Toà án nhân dân quận Sơn Trà đã xét xử các bị cáo Đặng Tấn Nhơn, Đặng Tấn Phụng về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 điều 249 BLHS, xử phạt bị cáo Nhơn 12 tháng tù và bị cáo Phụng 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Trong vụ án này, bị cáo Phụng là chủ nhà, là người cầm đầu tổ chức đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo là không nghiêm, không đúng quy định để được hưởng án treo theo điều 60 BLHS và Nghị quyết 01/2013 ngày 6/11/2013 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

2.3. Nguyên nhân của những tồn tại vướng mắc trên:

Thứ nhất, các quy định của BLHS quy định về tội đánh bạc chưa hoàn thiện; Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến tội đánh bạc còn thiếu, chưa thống nhất, chông chéo. Việc áp dụng pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc vẫn còn sự chưa thống nhất và rõ

ràng, còn chồng chéo nhau giữa các quy định tại Điều 248, 249 BLHS và Nghị quyết hướng dẫn số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22/10/2010

Thứ hai, những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyết định hình phạt đối với tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

Theo quy định tại khoản Điều 248 BLHS, hình phạt chính là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và tại khoản 3 Điều 248 BLHS cũng quy định phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, với tình hình cờ bạc diễn ra ngày càng phức tạp, xuất hiện thêm nhiều hình thức đánh bạc mới với tính chất, quy mô lớn với giá trị tài sản dùng để đánh bạc lên đến vài chục tỷ thì việc quy định hình phạt tiền như trên không còn phù hợp, bởi quy định hình phạt chính và hình phạt bổ sung là phạt tiền với số tiền phạt còn thấp, không đủ sức răn đe với những người phạm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc như hiện nay

Ngoài ra việc quy định hình phạt tiền là hình phạt chính quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS là trái với quy định tại khoản 1 Điều 30 BLHS, vì tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS, nhưng tại khoản 1 Điều 30 BLHS thì đối với người phạm tội ít nghiêm trọng mới được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Do đó việc quy định hình phạt tiền giữa điều luật riêng và phần chung chưa phù hợp với nhau.

Thứ ba, nguyên nhân do hạn chế của các Tòa án. Hiện nay, đội ngũ cán bộ thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp có trình độ chuyên môn còn hạn chế, chưa nghiên cứu hồ sơ một cách chú tâm đồng thời chưa có sự thống nhất trong nhận thức pháp luật trong cách định tội danh và quyết định hình phạt. Nhiều vụ án trong giai đoạn chuẩn bị đưa ra xét xử còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ nhưng không trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ những vướng mắc đó, trong khi hiện nay các tội phạm về cờ bạc ngày càng biến tướng nhiều hình thức, thủ đoạn ngày càng đa dạng và tinh vi hơn đòi hỏi đội ngũ cán bộ cần có trình độ pháp luật cũng như trang bị nhiều kiến thức xã hội.

Một số Thẩm phán chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, thiếu thận trọng trong việc áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt, thiếu bản lĩnh

chính trị, nghề nghiệp, chưa tích cực nghiên cứu và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp dẫn đến quyết định hình phạt không đúng trong thực tiễn quá trình xét xử. Khi xét xử vụ án, việc quyết định hình phạt là thuộc về Hội đồng xét xử và được biểu quyết theo đa số trên tinh thần độc lập và chỉ tuân theo pháp luật giữa Thẩm phán và hội thẩm nhân dân, tuy nhiên hiện nay trình độ hiểu biết và nắm rõ pháp luật của đội ngũ Hội thẩm nhân dân còn yếu, hiểu biết chuyên sâu về pháp luật chuyên ngành hình sự còn hạn chế dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ trong việc áp dụng pháp luật.

Ngoài ra số lượng đội ngũ thẩm phán hiện nay còn quá ít so với số lượng án cần phải giải quyết ngày càng nhiều dẫn đến chất lượng giải quyết vụ án bị hạn chế không được đảm bảo. Mặt khác một bộ phận thẩm phán đạo đức xuống cấp, vì lợi ích cá nhân mà quên chức trách, nhiệm vụ của mình. Loại tội phạm này quy tội đủ mọi thành phần xã hội nên nếu họ vi phạm sẽ tìm cách để mua chuộc người làm công tác xét xử nhằm có lợi cho họ.

Thứ tư điều kiện lương bổng và chính sách của nhà nước đối với đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân cần được đảm bảo, đồng thời giữ vững bản lĩnh nghề nghiệp để không chịu tác động từ bên ngoài, đảm bảo để Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân được độc lập trong xét xử.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, trong chương 2, qua xem xét hai nội dung quan trọng liên quan đến xét xử các tội phạm về cờ bạc là: định tội danh và quyết định hình phạt và xem xét hoạt động áp dụng lý luận vào thực tiễn của các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian 05 năm từ 2013 – 2017 đã mang đến kết luận rằng: Vấn đề áp dụng pháp luật hình sự về các tội danh cờ bạc từ đánh giá thực tiễn đã xuất hiện nhiều tính bất đồng. Đặc biệt do sự thay đổi khách quan của đời sống thực tiễn dẫn đến xuất hiện nhiều thiếu sót của pháp luật hình sự trong việc định tội danh. Bởi cùng với sự biến đổi không ngừng của xã hội thì không có nền pháp luật nào là hoàn mỹ, toàn diện, chính vì vậy việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung cũng như pháp luật hình sự đối với các tội cờ bạc nói riêng cần phải được chú trọng hơn, vì đây là căn cứ quan trọng cho việc áp dụng các điều luật

thuộc Bộ luật Hình sự hiện hành cũng như các văn bản khác vào thực tế nói chung và với việc áp dụng pháp luật đối với các tội phạm về cờ bạc nói riêng. Bên cạnh đó cũng cần phải iquan tâm, xem xét và thực hiện việc nâng cao khả năng quản lý nhà nước và năng lực của các cơ quan tiến hành pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn cờ bạc.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC

3.1. Hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến các tội phạm về cờ bạc

3.1.1. Hoàn thiện về quy định các cấu thành tội phạm tại Bộ luật Hình sự

Có thể khẳng định rằng Bộ luật hình sự năm 2015 ra đời đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp của Nhà nước ta. Bởi nó không những đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế mà còn phù hợp với tình hình thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Đặc biệt, với những nội dung sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện kể cả về kết cấu, bố cục, nội dung đã khắc phục phần lớn những bất cập trong Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, nếu so sánh, đối chiếu cấu thành tội phạm trong chế định pháp luật đối với các loại tội phạm cờ bạc thì cũng cần hoàn thiện thêm về quy định pháp luật đối với tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc. Cụ thể:

Thứ nhất, BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm tình tiết định khung: “*Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện thoại để phạm tội*”. Trong điều kiện phát triển nhanh về khoa học công nghệ như hiện nay thì việc bổ sung tiết định khung này là phù hợp. Tuy nhiên làm thế nào để phát hiện và thu giữ các vật chứng liên quan đến công nghệ cao này để xử lý đúng đắn vụ án là vấn đề đặt ra cần giải quyết. Và cũng cần có sự hướng dẫn cụ thể trường hợp nào là sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện thoại để phạm tội chứ không thể nói chung chung được.

Thứ hai, tại Điều 321 BLHS năm 2015 đã sửa đổi bổ sung tăng mức tiền hoặc hiện vật trị giá từ 2 triệu đồng lên 5 triệu đồng để phù hợp trong điều kiện kinh tế phát triển hiện nay, nhưng bên cạnh đó quy định về tiền hoặc hiện vật trị giá tối đa 50 triệu đồng như BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và BLHS năm 2015 là vẫn chưa phù hợp. Vì hiện nay cùng với sự phát triển của cơ chế thị trường thì loại tội phạm này ngày càng diễn ra với quy mô lớn, rất nhiều đường dây đánh bạc với số tiền rất lớn, đặc biệt lớn, thậm chí lên đến hàng ngàn tỷ đồng. Thực tiễn xử lý tội phạm này cho thấy tồn tại một số tiêu cực liên quan đến vấn đề này thể hiện ở việc các cơ quan điều tra khi phát hiện tội phạm đã cố tình báo che, không

ché, hợp thức hóa số tiền đánh bạc dưới 50 triệu đồng để có lợi hơn cho các con bạc. Dẫn đến cơ quan xét xử khi xét xử vụ án có sự đánh giá chưa tương xứng với thực tế tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các con bạc gây ra. Do đó nên chăng cần có mức quy định cao hơn về trị giá số tiền mang tính chất định khung hình phạt. Bởi theo quy định về số tiền hoặc hiện vật dùng vào đánh bạc tối đa như hiện nay là chưa phù hợp.

Hơn nữa, quy định về trị giá của tiền hoặc hiện vật dùng vào việc đánh bạc cũng chưa phù hợp với mức hình phạt tối thiểu và tối đa trong định khung hình phạt, vì số tiền đánh bạc từ 50 triệu đồng cho đến vài chục tỷ đồng thì mức hình phạt cũng chỉ vài năm, như vậy không đảm bảo nguyên tắc công bằng trong luật hình sự. Trong khi đó, đối chiếu với cấu thành của các tội phạm về xâm phạm sở hữu thì mặc dù định giá tài sản bị chiếm đoạt có mức thấp hơn trị giá về tiền và tang tài vật dùng để đánh bạc nhưng mức tối đa tại khoản 1 trong mức khung hình phạt của các tội này lại ngang bằng với tội đánh bạc với số tiền 50.000.000 đồng là bất hợp lý. Vì vậy việc nâng mức trị giá của tiền và tang tài vật dùng đối với loại tội phạm về cơ bản là điều thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Tuy nhiên mức điều chỉnh thế nào cho phù hợp thì cần phải căn cứ vào định mức thu nhập của người dân hiện nay mới có thể cân đối một con số hợp lý, có thể đồng tình nhiều ý kiến đưa ra rằng nên nâng mức trị giá tối thiểu từ 5.000.000 triệu đồng đến tối đa 100.000.000 đồng, tại Khoản 2 tội Đánh bạc thì quy định từ 100.000.000 đồng trở lên và quy định lại mức hình phạt từ 3 đến 10 năm thì mới phù hợp. Bên cạnh đó về thuật ngữ cũng cần thay đổi thành “tiền hoặc tài sản khác dùng vào việc đánh bạc” sẽ phù hợp, thống nhất hơn trong Bộ luật hình sự.

Thứ ba, khi tổng hợp đặc điểm nhân thân người phạm tội qua thực tiễn giải quyết, xét xử đối với tội phạm này thì hầu hết các đối tượng phạm tội đều là các đối tượng thường xuyên tham gia đánh bạc, thậm chí có rất nhiều tiền sự, tiền án về tội phạm này. Phải chăng chế tài xử lý đối với những người này chưa đủ nghiêm khắc để răn đe, giáo dục họ cũng như làm gương, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, cũng rất cần thiết quy định các tình tiết phạm tội trong trường hợp “tái phạm”, “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt, nhằm để áp dụng xử lý nghiêm minh đối với các đối tượng phạm tội rất nhiều lần, ngăn ngừa bớt tình trạng sau khi đã chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục phạm tội mới.

Thứ tư, đối với các tổ chức, trung tâm, dịch vụ đánh bạc hợp pháp mà có hành vi vi phạm để cho các đối tượng lợi dụng vào đó để đánh bạc trái phép cần xử lý nghiêm hơn nữa, cần quy định thêm chế tài là hình phạt bổ sung cấm hành nghề trong thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn để phòng ngừa các trường hợp này.

Thứ năm, để đảm bảo cho việc thu giữ tiền hoặc hiện vật trong người các con bạc hoặc ở những nơi khác được thuận lợi, hợp pháp làm căn cứ cho việc định tội danh được chính xác và tránh việc xử lý thu giữ tiền hoặc hiện vật một cách tùy tiện hoặc bỏ sót, cần phải sửa đổi bổ sung và làm rõ khái niệm như thế nào “Có căn cứ xác định” và “có đủ căn cứ xác định” cho đúng khi áp dụng điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP và xác định tiền đánh bạc từ các nguồn khác ngoài quy định tại khoản 3 điều 1 Nghị quyết 01/2010 có căn cứ là tiền, vật dùng vào việc đánh bạc.

Thứ sáu, cần phải có quy định thống nhất, cụ thể đối với những thủ đoạn gian dối trong hành vi đánh bạc để chiếm đoạt tài sản của người khác làm cơ sở cho việc xử lý về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc. Tránh tình trạng xác định không đúng, dẫn đến có sự nhầm lẫn giữa hành vi đánh bạc, hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua thông qua hành vi gian dối sắp xếp đánh bạc và sắp xếp kết quả. Dẫn đến việc không áp dụng pháp luật đúng đắn, xử lý sai đối với người phạm tội. Bởi nếu như trong trường hợp xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì người thua bạc cũng là người phạm tội đánh bạc nhưng trong trường hợp này trở thành người bị hại. Nếu thế thì tiền thua bạc có phải bị tịch thu hay không? Với tư cách là người bị hại thì số tiền này phải trả lại cho họ, như vậy có hợp lý hay không và người thua bạc trong trường hợp này có bị xử lý về tội đánh bạc hay không khi cấu thành tội đánh bạc ít nhất phải có hai người đánh bạc với nhau? Vấn đề này nên được nghiên cứu quy định rõ hơn. Mặt khác cũng cần quy định thêm tình tiết định khung tăng nặng đối với những hành vi sắp xếp kết quả đánh bạc nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Thứ bảy, bổ sung cần quy định hành vi của người ghi số đề, ghi cá độ ...từ 5 lần hoặc cho 5 người trở lên là hành vi của tội Tổ chức đánh bạc.

Thứ tám, cũng cần có biện pháp xử lý đối với những người có hành vi ghi số đề, lô đề, đặt kèo cá độ; tiền hoặc hiện vật của đồng phạm đánh bạc trong trường hợp bị bắt quả tang nhưng lại bỏ chạy, nhằm trốn tránh việc xử lý của cơ quan chức năng.

3.1.2. Hoàn thiện quy định về vấn đề hình phạt trong cấu thành tội phạm:

Mục đích của hình phạt là kết quả thực tế cuối cùng mà Nhà nước mong muốn đạt được khi quy trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Chính vì lẽ đó việc thay đổi, hoàn thiện chế tài xử lý về khung hình phạt sao cho phù hợp với cấu thành tội phạm, tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội, phù hợp với thực tiễn và đảm bảo sự công bằng là vấn đề bức thiết cần đặt ra trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống áp dụng pháp luật đối với loại tội phạm này. Bản thân tôi, xin đưa ra một số kiến nghị cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về hình phạt tại Điều 248 và Điều 249 BLHS. Cụ thể:

Thứ nhất: Đối với những quy định về khung hình phạt tù tại khoản 2 Điều 248 và khoản 1, 2 Điều 249 BLHS thì cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định khung hình phạt tù tại các khoản này thống nhất và phù hợp với quy định về khung hình phạt của tội nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng được quy định tại Điều 8 BLHS.

Thứ hai: Như đã phân tích ở trên, mức tiền theo quy định về trị giá tài sản và tang vật dùng để đánh bạc được quy định tại Điều 248 và Điều 249 BLHS đã không còn phù hợp. Vì vậy phải nghiên cứu tăng hình phạt tiền trong cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung lên nhiều lần nữa. Việc Điều 321 BLHS 2015 bỏ hình phạt chính là phạt tiền là không phù hợp vì thực tiễn xét xử thấy rằng áp dụng hình phạt tiền, trừng phạt vào kinh tế của người phạm tội vẫn nghiêm hơn và có tính răn đe, giáo dục tốt.

Thứ ba: Cần nghiên cứu bổ sung nội dung phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng vào khoản 1 Điều 30 BLHS để đảm bảo tính thống nhất của BLHS.

Thứ tư: Cần quy định mức giới hạn tối đa của hình phạt tiền đối với khoản 3 Điều 249 BLHS tương ứng mức tiền tối đa 100.000.000 đồng BLHS 1999 sửa đổi bổ sung 2009 và khoản 3 điều 322 BLHS 2015 quy định là chưa phù hợp mà cần phải tăng mức tối đa lên 200.000.000 đồng để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này phù hợp với thực tiễn của loại tội phạm này khi mà số tiền thu lợi bất chính lớn lên đến hàng chục tỷ đồng.

3.2. Thực hiện chính sách coi việc phòng ngừa là yếu tố ưu tiên hàng đầu đối với các tội phạm về cờ bạc

Những định hướng quan trọng cho việc nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BLHS được thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 nhằm thể chế hóa quan điểm mới về chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay. Hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Đây là định hướng cơ bản, được thể hiện trên những góc độ như sau:

Thứ nhất, Tội đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc là nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng, do đó, nghiên cứu sửa đổi quy định về hình phạt theo hướng hình phạt không mang tính phạt tù mà xử phạt vào vấn đề tài chính kinh tế đối với người phạm tội sẽ hiệu quả hơn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về cờ bạc.

Thứ hai, cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn các điều kiện được miễn trách nhiệm hình sự, đề xuất bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Hoàn thiện các chế định về miễn trách nhiệm hình sự và xoá án tích nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án, nhất là người phạm tội bị kết án phạt tù có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng.

Thứ ba, hoàn thiện các nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội theo hướng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, chủ lý xử lý bằng phương pháp khác thay thế biện pháp xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo tinh thần giáo dục là chính

Thứ tư, thực tiễn xử lý phát hiện được rằng, hoạt động tội phạm xảy ra luôn có một số lượng lớn tiền, ngoại tệ chuyển ra nước ngoài để đánh bạc. Việc này cũng

gây thiệt hại lớn cho Nhà nước ta. Vì vậy, chúng ta cần thay đổi tư duy, có cái nhìn thực tế hơn, thay vì cứ nghiêm cấm khiến tội phạm “ẩn” ngày càng nhiều thì nên chăng mạnh dạn mở rộng thêm các trung tâm, dịch vụ đánh bạc hợp pháp. Và chúng ta sẽ trực tiếp quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật, quy định cụ thể về điều kiện được tham gia đánh bạc hợp pháp để từ đó hạn chế nạn đánh bạc trái phép, hạn chế lượng tiền ngoại tệ chuyển ra nước ngoài gây thất thoát cho nền kinh tế hiện nay.

3.3. Nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử

Hệ thống các cơ quan tư pháp, đặc biệt là các lực lượng trực tiếp đấu tranh chống tội phạm có vai trò hết sức quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm đánh bạc nói riêng. Do vậy để đạt được hiệu quả tối ưu nhất trong việc trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và công tác đấu tranh, phòng chống đối với loại tội phạm này góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng mà cụ thể ở đây là Công an, Viện kiểm sát, Tòa án. Bởi không ai hết, các cơ quan này chính là lực lượng nòng cốt, có trách nhiệm to lớn và nặng nề trong công tác phòng chống tội phạm về cờ bạc. Chính vì lẽ đó, việc chú trọng công tác, đẩy mạnh chất lượng hoạt động của các cơ quan chức năng này là nhiệm vụ bức thiết hàng đầu được đặt ra hiện nay. Bởi các cơ quan này hoạt động tốt bao nhiêu thì công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này đạt hiệu quả bấy nhiêu. Cụ thể:

- *Đối với lực lượng công an:* Những năm qua, lực lượng Công an nhân dân đã không ngừng hoạt động tốt vai trò của mình trên cương vị là lực lượng nòng cốt trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội đã tạo chuyển biến tích cực không những trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm mà còn góp phần tăng cường quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, với tình hình diễn tiến tội phạm ngày càng phức tạp như hiện nay đòi hỏi trong thời gian tới lực lượng Công an cần tiếp tục phải chủ động thường xuyên trong công tác phòng ngừa tội phạm, theo dõi các đối tượng có biểu hiện nghi vấn, thường xuyên giám sát các đối tượng có nhiều tiền án, tiền sự, những phần tử thường xuyên tụ tập ăn chơi cờ bạc. Chủ động nắm chắc tình hình, tiến hành đồng bộ các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, kết hợp với phòng ngừa xã hội, chẳng hạn như đặc tình báo nhằm phát hiện các tụ điểm “ẩn” thường xuyên tổ chức đánh bạc

nhằm triệt phá nhiều băng, nhóm tội phạm đánh bạc lớn. Đẩy mạnh công tác đấu tranh quyết liệt, công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật nhằm xử lý tội phạm và tạo sự chuyển biến tích cực đối với ý thức chấp hành của nhân dân đối với loại tội phạm này.

Bên cạnh đó, lực lượng công an cũng cần chú trọng về công tác tham mưu cho chính quyền địa phương. Nắm thông tin chính xác tình hình, dư luận, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân nhằm phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể triển khai thực hiện các chương trình, nghị quyết, thông tư liên tịch nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm về cờ bạc, giáo dục các đối tượng có nguy cơ cao về tội phạm, vi phạm pháp luật, tuyên truyền vận động người thân không tham gia hoạt động đánh bạc, phát hiện và tố giác những ổ nhóm, đối tượng cờ bạc với cơ quan Công an. Phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong quản lý, giáo dục người chưa thành niên, xây dựng phong trào quần chúng tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh Tổ quốc để nhân dân nhận thức rõ tác hại của hành vi cờ bạc, hạn chế tới mức thấp nhất số người tham gia đánh bạc.

Thời gian tới, lực lượng công an cũng cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng lực lượng, đầu tư, chú trọng nâng cao về mặt chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi nghiệp vụ nhằm rút kinh nghiệm các mặt chưa làm được và đưa ra hướng giải quyết, hoạt động tới trong thời gian tiếp theo, hơn nữa là giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ và chiến sỹ công an. Đặc biệt có thể tổ chức đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu, tập huấn phổ biến những những phương thức thủ đoạn phạm tội của các đối tượng cờ bạc nhằm trang bị kiến thức cho lực lượng Công an xã, phường, và các lực lượng khác. Đồng thời, quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm để tiếp nhận, xử lý kịp thời mọi thông tin, tài liệu liên quan đến tội phạm.

- *Đối với Viện kiểm sát nhân dân:* Nếu như lực lượng công an là lực lượng nòng cốt phát hiện xử lý tội phạm cờ bạc thì Viện kiểm sát là cơ quan nhà nước có nhiệm vụ thực hiện quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng; là công cụ hữu hiệu bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo vệ quyền con người, quyền công dân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Do vậy, để bảo đảm thực thi đúng pháp luật của cơ quan tố tụng có thẩm quyền, hạn chế các hành vi vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến các oan sai hay bỏ lọt tội phạm, bỏ lọt người phạm tội làm tổn hại đến lợi ích của công dân và xã hội. Vì vậy việc xác định đúng đắn, nâng cao vai trò, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân không chỉ góp phần vào việc xây dựng hệ thống lý luận về hoạt động tư pháp mà còn góp phần nâng cao hiệu quả chức năng hoạt động của Viện kiểm sát trong công cuộc trường kỳ đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm về cờ bạc.

Muốn làm được điều đó thì đầu tiên Viện kiểm sát cần là khâu nối trung tâm giữa 3 cơ quan tiến hành tố tụng: Công an, Viện kiểm sát và Tòa án. Là cơ quan có ý nghĩa quan trọng trong việc phát hiện kịp thời những vướng mắc, bất cập để tổ chức tháo gỡ những khó khăn trong điều tra, truy tố, xét xử, nhất là trong công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án về tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc,... Thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hiện tốt quyền công tố, tích cực tham gia thẩm vấn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp theo hướng đẩy mạnh tranh tụng tại phiên tòa nhằm góp phần làm sáng tỏ nội dung vụ án.

Hơn nữa, Viện kiểm sát nhân dân cũng cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ. Quán triệt nghiêm túc tinh thần thực thi pháp luật đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo cán bộ trong đơn vị có tư tưởng, chính trị vững vàng, lấy pháp luật làm tôn chỉ trong thực hiện nhiệm vụ và có tác phong, đạo đức trong sáng, chuẩn mực, lành mạnh. Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu, phổ biến chủ trương, chính sách, đường lối mới của Đảng và văn bản pháp luật mới của Nhà nước. Tổ chức rút kinh nghiệm, tổng kết những mặt làm được và chưa làm được, xử lý nghiêm đối với trường hợp vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc có sai sót trong công tác. Nhiệt tình lắng nghe ý kiến của nhân dân để khắc phục những mặt chưa làm được nhằm hoàn thiện tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Đẩy mạnh công tác nắm tin báo tội phạm, kiểm sát từng vụ án đánh bạc cụ thể. Rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác, nắm được nguyên nhân phát sinh tội phạm, đặc điểm nhân thân của phạm tội để từ đó có giải pháp ngăn ngừa đối với loại tội phạm này. Đồng thời, cũng cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền pháp luật

sâu rộng trong quần chúng nhân dân qua kênh truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng và các buổi sinh hoạt văn hóa, chính trị tại địa phương nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, đấu tranh của nhân dân đối với tệ nạn cờ bạc xảy ra trên địa bàn.

- Đối với Tòa án nhân dân, cần nâng cao chất lượng Thẩm phán trên cơ sở xác định Tòa án là trung tâm, hoạt động xét xử là trọng tâm

Trong thời gian tới Tòa án nhân dân các cấp cần đẩy mạnh công tác xét xử giải quyết các vụ án và các bị cáo phạm tội đánh bạc một cách nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh làm oan sai người vô tội, tránh bỏ lọt tội phạm. Để đáp ứng nhu cầu đấu tranh, phát hiện, xử lý kịp thời cũng cần thực hiện công tác quy hoạch cán bộ thường xuyên; thủ tục tái bổ nhiệm lại Thẩm phán cũng cần phải kịp thời đảm bảo đủ biên chế, đảm bảo tính liên tục, kế thừa, tính đồng đều về chuyên môn nghiệp vụ nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác, tránh tình trạng bị gián đoạn dẫn đến thiếu lực lượng Thẩm phán làm ảnh hưởng đến tiến độ cũng như chất lượng giải quyết án.

Đề nghị tăng cường kiểm tra, sát hạch định kỳ về trình độ chuyên môn đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký. Tổ chức cho họ tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, các nghị quyết, thông tư hướng dẫn của Đảng và Nhà nước nói chung và Tòa án nhân dân tối cao nói riêng. Đặc biệt chú trọng việc cử Thẩm phán đi học, nghiêm cứu chuyên sâu ở nước ngoài nhằm tiếp thu, học hỏi, xây dựng đội ngũ cán bộ tinh anh, chất lượng cao cho ngành Tòa án.

Ở nước ta, việc nhân dân tham gia hoạt động xét xử của Tòa án được thể hiện tập trung nhất thông qua chế định về Hội thẩm nhân dân. Chế định Hội thẩm là sự bảo đảm nguyên tắc thực hiện quyền lực của nhân dân trong hoạt động xét xử của Tòa án, thể hiện bản chất nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Đây là một chế định được ghi nhận trong tất cả các bản Hiến pháp, từ Hiến pháp năm 1946 đến Hiến pháp năm 2013. Do đó, công tác nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân, ghi nhận chế định Hội thẩm trong các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án cũng cần được chú trọng. Bởi việc tham gia và tham gia đúng thành phần của Hội thẩm giúp cho Tòa án xét xử không chỉ đúng pháp luật mà còn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Cần phải đổi mới tiêu chuẩn bổ nhiệm Hội thẩm nhân dân theo đó cần

phải có chế định rõ ràng, cụ thể, quy định về tiêu chuẩn đạo đức, trình độ chuyên môn và quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm chức danh này. Bên công tác đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán cũng cần thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng đọc hiểu văn bản pháp luật và kỹ năng tranh tụng cho Hội thẩm nhân dân. Mặt khác, bên cạnh viện hoàn thiện chế định Hội thẩm nhân dân nhằm xây dựng một đội ngũ chất lượng cao cũng cần quy định trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân trong thực thi nhiệm vụ. Quy định rõ hình thức khen thưởng cũng như xử lý vi phạm làm cơ sở để đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhằm đảm bảo quyền lợi của họ, khuyến khích họ nỗ lực công tác cũng như nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức trách nhiệm của họ trong công việc. Thực tế xét xử cho thấy, trong nhiều trường hợp bản án của Hội đồng xét xử đó bị hủy, bị sửa do áp dụng pháp luật không đúng hoặc xét xử oan, sai, nhưng cuối cùng Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử vẫn vô tư, coi như không có chuyện gì xảy ra. Muốn làm được như vậy cần phải quán triệt sâu sắc, thực hiện cải cách tư pháp, ghi nhận chế định Hội thẩm nhân dân là một chế định có ý nghĩa quan trọng trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án để thống nhất, thực hiện đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp. Bởi, việc này có ý nghĩa hết sức quan trọng, chất lượng nghiệp vụ của các cơ quan tư pháp có được nâng cao, các quy định của pháp luật có được điều chỉnh phù hợp, chặt chẽ thì mới đáp ứng tốt công tác đấu tranh, đáp ứng với tình hình diễn ra của tội phạm.

Mặt khác, bên cạnh công tác chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn thì việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của lực lượng cán bộ, công chức Tòa án cũng cần quan tâm. Nhận thức được ý nghĩa quan trọng đó mà Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng luôn nêu cao tinh thần tu dưỡng, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức cho cán bộ công chức nói chung và đội ngũ Thẩm phán, Thư ký nói riêng. Luôn đẩy mạnh phong trào thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu xây dựng Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng trong sạch, vững mạnh, đảm bảo thực thi đúng pháp luật với tôn chỉ “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư”. Cán bộ công chức của Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng luôn có tư tưởng chính trị vững vàng, có niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, luôn chấp tốt đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và nhà nước. Không những thế, ban lãnh đạo Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà

Năng cũng luôn lắng nghe, quan tâm đến đời sống của cán bộ công chức, đảm bảo chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp và chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật tạo môi trường thuận lợi và đảm bảo cho cán bộ công chức yên tâm công tác. Ngoài ra còn tăng cường công tác quản lý cán bộ, thanh tra, kiểm tra hoạt động xét xử của Thẩm phán; Tăng cường mở rộng cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Để đáp ứng nhu cầu chính trị của địa phương đồng thời để công tác tuyên truyền giáo dục, răn đe đối với người dân và phòng ngừa tội phạm, Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng cũng thường xuyên tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động, trong đó có tội phạm về cờ bạc được đông đảo quần chúng quan tâm, theo dõi, tham dự, góp phần hết sức ý nghĩa trong công tác tuyên truyền pháp luật, công tác chính trị tại địa phương. Về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc đối với cán bộ công chức trong Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng cũng được quan tâm, chú trọng, thường xuyên trang bị kịp thời, đầy đủ các trang thiết bị làm việc đáp ứng nhu cầu công tác của cán bộ công chức cũng như người lao động.

3.4. Nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất người tiến hành tố tụng

Như đã nói ở trên, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan tiến hành tố tụng, cụ thể là cán bộ, công chức trong ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án là vấn đề hết sức cần thiết và quan trọng mang ý nghĩa hàng đầu trong chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân do dân và vì dân. Bởi chỉ với đội ngũ cán bộ tinh anh, đáp ứng đầy đủ toàn diện cả về trình độ năng lực, nghiệp

trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức đủ tài để phục vụ nhân dân để xây dựng đất nước. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một bộ phận không nhỏ cán bộ công chức còn có biểu hiện tiêu cực, tư tưởng lệch lạc, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Từ đó, dẫn đến tình trạng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà đối với nhân dân và lợi dụng chức trách, thẩm quyền được Nhà nước và nhân dân giao phó để nhận hối lộ, tham nhũng, buôn lậu, làm biến dạng những giá trị và tiêu chuẩn đích thực của người “công bộc của nhân dân”, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng.

Sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tất yếu dẫn tới sự suy yếu tổ chức và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, giảm hiệu lực của bộ máy

Nhà nước, ảnh hưởng đến các hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động tố tụng trong việc giải quyết các loại án về tội phạm cờ bạc nói riêng, nhất là trong vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm này.

Việc tồn tại một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức suy thoái này không những khiến cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án xảy ra tình trạng không những thiếu cán bộ, thiếu lực lượng nòng cốt như điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về mặt số lượng mà còn yếu về mặt chất lượng, yếu về trình độ năng lực nghiệp vụ. Do đó vẫn chưa đáp ứng nhiệm vụ công tác và yêu cầu cải cách tư pháp đề ra. Chỉ khi nhận diện đúng nguồn gốc và những biểu hiện của suy thoái đạo đức, lối sống, suy thoái chính trị tư tưởng chúng ta mới có thể xác định nội dung, biện pháp phòng, chống hiệu quả. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng được đội ngũ cán bộ chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, góp phần giúp hoạt động của hệ thống chính trị nói chung và công tác đấu tranh phòng tội phạm, nhất là tội phạm cờ bạc nói riêng được bảo đảm. Tiếp tục thực hiện đúng các điều kiện, tiêu chuẩn cán bộ của ngành, đó là phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, qua đó đã quán triệt và tổ chức thực hiện thường xuyên, nghiêm túc việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng trong việc tu dưỡng rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, chống suy thoái đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ quan trọng của cơ quan tiến hành tố tụng; Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức phải theo qui hoạch, từng bước, có kế hoạch xây dựng, chuẩn bị nguồn cán bộ từ đầu đủ điều kiện và tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ nâng để nâng cao chất lượng trong công tác giải quyết xử lý đối với loại tội phạm này. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn, cái buổi trao đổi nghiệp vụ, tổ chức hội thảo nhằm cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội và tập huấn rèn luyện, trao dồi, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ công chức. Bên cạnh đó cũng cần đi sâu đi sát vào đội ngũ cán bộ công chức nhằm phân loại đội ngũ cán bộ công chức; tuyên dương, khen

thường đối với các đơn vị, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong công tác nhưng cũng đồng thời xử lý nghiêm đối với những trường hợp sai phạm lặp đi lặp lại nhiều lần mặc dù đã được nhắc nhở rút kinh nghiệm hoặc các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán nhằm nâng cao lòng tin của nhân dân với hệ thống tư pháp, với công lý.

Cần đề cập thêm một vấn đề quan trọng nữa đó chính là đảm bảo đời sống vật chất cho đội ngũ cán bộ công chức, những người tiên hành tổ tụng, thực hiện nhiệm vụ trực tiếp trong công công phát hiện xử lý, đấu tranh phòng chống tội phạm. Hay nói một cách cụ thể hơn là cần quan tâm đến chế độ tiền lương cũng như chế độ phụ cấp ưu đãi. Cần xây dựng hệ thống chính sách tiền lương phù hợp, khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích cán bộ công chức nỗ lực công tác, để cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo các điều kiện thiết yếu và nhu cầu cơ bản cho cuộc sống bản thân và gia đình, đảm bảo yên tâm công tác mặt khác để giảm thiểu đến mức tối đa hiện tượng tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ do cám dỗ vật chất.

3.5. Tăng cường tính độc lập của Thẩm phán trong hoạt động xét xử

Thẩm phán độc lập là nguyên tắc được ghi nhận trong hầu hết Hiến pháp các nước và cả trong các văn kiện, cam kết quốc tế. Ở Việt Nam, nguyên tắc Thẩm phán độc lập đã được quy định ngay từ bản Hiến pháp năm 1946 và được kế thừa trong suốt lịch sử lập hiến.

Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. GS. Nguyễn Đăng Dung cho rằng: Quy định này nhấn mạnh bốn trách nhiệm của Nhà nước: “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”, quy định này đặt ra trách nhiệm hết sức to lớn và nặng nề đối với hệ thống tư pháp, trong đó có trách nhiệm vô cùng quan trọng của Tòa án nhân dân các cấp trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đòi hỏi “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” (khoản 2, Điều 103 Hiến pháp 2013). Bởi việc này có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ

thống Tòa án nhân dân mà không những Việt Nam mà các nước trên thế giới cũng ghi nhận thể hiện qua các Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Với quy định “ngghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” sẽ giúp cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân được hoạt động độc lập, không bị sao nhiễu, tác động bởi bất cứ thế lực nào khiến cho công tác giải quyết án mang tính khách quan, vô tư hơn.

Nguyên tắc thẩm phán độc lập khi xét xử không chỉ được thực hiện trong việc đánh giá chứng cứ mà cả trong thẩm vấn, tranh luận trước phiên tòa và việc ra bản án, quyết định. Thực trạng hiện nay cho thấy tính độc lập của Thẩm phán vẫn chưa được đảm bảo một cách toàn diện, còn nhiều bất cập và hạn chế. Việc này cũng ảnh hưởng không nhỏ trong thực hiện chức năng, quyền hạn của họ, khiến cho việc quyết định của họ trong một vài trường hợp được coi là chưa khách quan, chưa vô tư. Những hạn chế, bất cập này tồn tại trong cả nhận thức lẫn trong thực tiễn tổ chức thực hiện hoạt động xét xử. Có khá nhiều sự nhầm lẫn giữa các cơ quan tiến hành tố tụng làm ảnh hưởng đến tính độc lập của thẩm phán. Điều này liên quan trước hết đến chức năng điều tra, truy tố và xét xử. Một số các nhà nghiên cứu có quan điểm rằng: Hiện nay, ở Việt Nam mặc dù nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của thẩm phán được đề cao nhưng địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động tố tụng nhìn chung chưa được xác định một cách thoả đáng. Trong tố tụng, nhất là Tố tụng Hình sự có sự tham gia của hai chủ thể gần như đối lập nhau là bên bị buộc tội và bên buộc tội. Trong quan hệ tố tụng, thẩm phán là hành động như một người đứng giữa để phân xử đúng sai nhân danh Nhà nước. Địa vị của thẩm phán phải khác với bên buộc tội hay bên gỡ tội. Cách tiếp cận phổ biến của các cơ quan tiến hành tố tụng hiện nay là bên bị buộc tội bị coi như là bên đã có tội rồi. Cách ăn mặc, cách xưng hô, sự đối xử đối với bên bị buộc tội gần như tạo ra tâm lý là đã ra công đường đương nhiên có tội trong khi đó pháp luật quy định rất rõ rằng mọi công dân chỉ coi là có tội khi có một bản án của tòa án có thẩm quyền và đã có hiệu lực. Như vậy, sự độc lập của thẩm phán trong hoạt động xét xử đòi hỏi thẩm phán phải có trách nhiệm xét xử đúng pháp luật, phải ngăn chặn được sự lạm dụng địa vị pháp lý trong quan hệ tố tụng. Do vậy, pháp luật về tố tụng cần có những qui định cụ thể hơn về địa vị pháp lý của các cơ quan tham gia tố tụng trong đó có sự quán triệt giả định vô tội trong thiết kế các qui trình thủ tục tố tụng. Trong quan hệ tố tụng có nhiều chủ thể tham gia với ba xu hướng rất rõ ràng:

Buộc tội, gỡ tội và xét xử. Mỗi xu hướng thường được hiện thực hóa với nhưng qui trình, thủ tục và yêu cầu đặc trưng. Ba xu hướng này phải được tôn trọng và được đảm bảo độc lập thực sự. Xét ở khía cạnh này, một số qui định của pháp luật hiện hành chưa thực sự đảm bảo được yêu cầu về tính độc lập. Ví dụ, Khoản 1, Điều 104 BLTTHS quy định: “Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới mới cần điều tra”. Quy định này đã khiến cho thẩm phán vừa có chức năng xét xử, vừa có chức năng buộc tội. Quyết định khởi tố vụ án hình sự là khởi đầu cho hoạt động buộc tội. Tương tự, khi nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật hiện hành thì có thể thấy về hình thức có gì mâu thuẫn với yêu cầu về tính độc lập trong hoạt động xét xử của tòa án. Tuy nhiên, phân tích kỹ về nội dung chúng ta có thể thấy một số những yếu tố có khả năng làm ảnh hưởng tới tính khách quan, vô tư của thẩm phán. Ví dụ, Điều 176 BLTTHS: “Tòa án chỉ đưa vụ án ra xét xử khi có đủ điều kiện cần thiết nếu tòa án cho rằng có đủ cơ sở để chứng minh tội phạm và người phạm tội”. Quy định này xem ra đã tạo cho thẩm phán quyền quyết định quá lớn. Theo chúng tôi, việc đưa vụ án ra xét xử phải được coi là một thủ tục và vì thế phải đảm bảo chính xác yếu tố thời hạn. Thẩm phán phải đưa vụ án ra xét xử trong phạm vi thời hạn theo qui định của pháp luật. Còn việc vụ án có đủ cơ sở hay không, có thể được làm rõ tại phiên tòa với sự tham gia của các bên trong quan hệ tố tụng.

Sự độc lập của Thẩm phán là hạt nhân của Tòa án. Nhưng nguyên tắc này không thể chỉ dừng lại ở chỗ kêu gọi hay áp đặt nghĩa vụ lên Thẩm phán phải độc lập, bởi vì điều đó sẽ là không thực tế nếu như Thẩm phán không được hưởng những biện pháp bảo đảm cho mình có thể độc lập được. Vì vậy, cần chú trọng xây dựng những quy định cho Thẩm phán có những quyền hoặc những điều kiện đảm bảo để họ có thể độc lập.

Trước hết, Thẩm phán vừa phải có trình độ hiểu biết pháp luật sâu sắc, vừa phải có bản lĩnh và tinh thần tôn trọng công lý. Bên cạnh đó, cần phải bảo đảm sự độc lập của Thẩm phán với lãnh đạo cơ quan Tòa án; độc lập của Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên; độc lập của Tòa án với Viện kiểm sát và cơ quan điều tra... Điều này đặt ra yêu cầu: Thẩm phán phải đủ năng lực và điều kiện làm việc; Thẩm phán có lợi ích liên quan tới vụ án thì không được xét xử; Thẩm phán phải chịu trách nhiệm về phán quyết của mình; chế độ đãi ngộ cho Thẩm phán phải được bảo

đảm...Và đặc biệt là nhiệm kỳ Thẩm phán phải vững chắc và lâu dài.

Chính vì vậy, để nâng cao tính độc lập của thẩm phán thì cần phải:

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo không bị mâu thuẫn, chông chéo giữa các lĩnh vực hay chế định khác nhau.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ Thẩm phán “có tâm và có tầm” thông qua chế độ tuyển cử thẩm phán thi tuyển và thẩm phán bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu được quy định trong luật như: Sức khỏe và tinh thần trách nhiệm cao; Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; Trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải hiểu biết pháp luật sâu; Kinh nghiệm thực tế đã trải qua các kỳ sát hạch trong thời gian công tác trong lĩnh vực luật.

Thứ ba, Theo Luật Tổ chức TAND năm 2002 thì nhiệm kỳ của Thẩm phán là 5 năm. Có rất nhiều quan điểm cho rằng đây là mức quy định chưa phù hợp về mặt thời gian, bởi công tác bổ nhiệm chức danh Thẩm phán thực hiện còn trải qua nhiều quá trình thủ tục, hoàn thiện hồ sơ, khiến cho công tác bị gián đoạn trong khi chờ quyết định bổ nhiệm Hơn nữa, thời gian quá ngắn còn ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tổ chức, quản lý của Tòa án, gây tốn kém thời gian, vật chất cho công tác tái bổ nhiệm. Đồng thời, vấn đề này ít nhiều tạo tâm lý không yên tâm làm việc của Thẩm phán, bởi một khi thẩm phán độc lập trong xét xử khó tránh được chuyện đụng chạm đối với các thế lực khác, thực tế cũng có tồn tại việc tác động của những cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét, tuyển chọn, đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán. Do đó, nguyên tắc hoạt động độc lập của Thẩm phán khi xét xử vẫn còn nhiều hạn chế, chưa được đảm bảo một cách toàn diện.

Thứ tư, Nhà nước đảm bảo về đời sống vật chất cho đội ngũ thẩm phán suốt đời để vượt những cám dỗ vật chất; tăng cường biện pháp thưởng phạt nghiêm minh và có chế độ đãi ngộ đặc biệt cho thẩm phán tận tụy, liêm chính có công lao đóng góp cho nền tư pháp Việt Nam. Việc trả lương cho thẩm phán và các chức danh khác của tòa án nên từ ngân sách riêng, không phụ thuộc vào ngân sách địa phương. Việc khen thưởng thẩm phán, tăng lương, tăng ngạch nên thực hiện theo kênh độc lập, không theo phương pháp quản lý đặc trưng của hệ thống hành chính.

Thứ năm, để đảm bảo tính độc lập khi xét xử, thẩm phán được tự do theo quy định của pháp luật tham gia vào Hiệp hội Luật gia Việt Nam để hưởng các quyền lợi, củng cố bồi dưỡng nghiệp vụ của mình và có quyền thực hiện những hành vi

thích hợp bảo vệ sự độc lập trong hoạt động xét xử của mình

Thứ sáu, nghiên cứu xem xét và học hỏi kinh nghiệm cải cách tư pháp ở một số nước trên thế giới như Nhật và Hàn Quốc để xây dựng mô hình đào tạo, sử dụng và quản lý thẩm phán theo hướng giảm bớt sự phụ thuộc của thẩm phán vào chính quyền địa phương, vào tòa án cấp trên.

Thứ bảy, cần có chế tài áp dụng riêng dành cho các thẩm phán theo nguyên tắc khoa học, chế độ trách nhiệm rõ ràng, thể hiện rõ nguyên tắc dân chủ và bình đẳng, đảm bảo cả chất và lượng hoạt động, về uy tín của hệ thống tư pháp trong nhà nước XHCN để ngăn cản hiện tượng tiêu cực.

Cuối cùng, đổi mới vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử cũng cần được chú trọng như một giải pháp nâng cao tính độc lập của thẩm phán. Tính độc lập của Thẩm phán trong xét xử không phải là một vấn đề mới. Tuy nhiên, để hoàn thiện các định chế đảm bảo cho nguyên tắc hiến định này được thực hiện không phải là vấn đề đã được giải quyết trọn vẹn. Cho đến thời điểm hiện nay đây vẫn là vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng

3.6. Tăng cường hoạt động giám sát đối với các cơ quan tiến hành tố tụng

Các cơ quan có hoạt động tư pháp địa phương tiếp tục thực hiện việc rà soát, đánh giá cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/02/2002 của Bộ Chính trị, làm cơ sở cho việc sắp xếp, bố trí, sử dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển cán bộ của ngành. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra theo đợt hoặc thậm chí kiểm tra, thanh tra đột xuất nhằm phát hiện kịp thời, xử lý, chấn chỉnh những sai phạm trong hoạt động nghiệp vụ. Xử lý nghiêm minh, quyết liệt, dứt khoát đối với các cá nhân có sai phạm lặp đi lặp lại nhiều lần. Nghiêm khắc trong việc giới thiệu đề đưa ra xét kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự gương mẫu trong vấn đề đạo đức, lối sống và trách nhiệm trong việc để ảnh hưởng đến cơ quan, đơn vị. Xây dựng và hoàn thiện quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng công khai, dân chủ, có sự tham gia của dư luận xã hội và công dân. Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo nghiệp vụ, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên quy hoạch nguồn cán bộ để tạo nguồn bổ sung Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong các năm tới tránh việc thiếu hụt lực lượng cán bộ.

Các cơ quan chức năng hay nói đúng hơn là các cơ quan tiến hành tố tụng

cần quyết liệt hơn trong việc xử lý sai phạm của cán bộ công chức trong đơn vị mình. Xử lý nghiêm minh đối với trường hợp có biểu hiện quan liêu, tiêu cực nhằm giáo dục và chấn chỉnh cán bộ, công chức, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào Nhà nước và pháp luật. Cần phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đẩy mạnh công tác phát hiện những sai sót, vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án về cờ bạc để từ đó có sự chấn chỉnh, lãnh đạo điều hành giải quyết vụ án. Lãnh đạo ngành Viện kiểm sát, Tòa án cần phải xác định đúng vị trí, vai trò của công tác kiểm sát, giám đốc kiểm tra và xác định vị trí của nó quan trọng ngang bằng như hoạt động xét xử của ngành.

Công tác kiểm sát xét xử và giám đốc kiểm tra của Viện kiểm sát, Tòa án cấp trên cần phải được tiến hành thường xuyên, phải kiểm tra trực tiếp hồ sơ theo định kỳ bởi công tác này giúp phát hiện những sai sót và thông báo rút kinh nghiệm thông qua việc kiểm tra, nghiên cứu các bản án, quyết định của toà án cấp dưới, qua đó hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong toàn ngành. Nếu có đủ căn cứ theo pháp luật để kháng nghị thì các đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của công dân phải được giải quyết theo đúng trình tự pháp luật. Từ kết quả của công tác kiểm sát và giám đốc kiểm tra, lãnh đạo ngành Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp có thể đánh giá chất lượng công tác xét xử của Tòa án cấp dưới còn những thiếu sót gì để đề ra các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng xét xử.

Một biện pháp quan trọng khác giúp đảm bảo hoạt động xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương đó chính là tăng cường công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với hoạt động xét xử của Tòa án, đặc biệt là hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với các toà án địa phương. Để hoạt động giám sát của cơ quan dân cử có chất lượng đối với hoạt động xét xử của Tòa án thì trước hết năng lực, trách nhiệm của đại biểu dân cử, chất vấn và trả lời chất vấn công khai, minh bạch đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được nâng cao, nhất là đối với những vụ án đánh bạc, tổ chức đánh bạc cho hưởng án treo không đúng quy định pháp luật, có tính chất mức độ nguy hiểm, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, giữa Đoàn đại biểu Quốc hội và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương tăng cường sự phối hợp hoạt động trong việc tham gia hoạt động giám sát tuân theo pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc phải thực sự phát huy vai trò là chủ thể giám sát xã hội và đại diện cho nhân dân tập hợp được tất cả các ý kiến giám sát của họ đối với hoạt động tư pháp, tập trung làm tốt công tác động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với các cơ quan tư pháp khắc phục, sửa chữa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao trình độ dân trí, pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho mọi người dân.

Phương tiện thông tin đại chúng cần được tăng cường vai trò trong việc giám sát các hoạt động tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng, phải bám sát các hoạt động của cơ quan tư pháp, phản ánh trung thực, đưa tin đầy đủ, kịp thời về những mặt tích cực, điển hình tiên tiến và tiêu cực trong hoạt động tư pháp. Đối với những vấn đề gây dư luận không tốt trong hoạt động tư pháp thì cần phải đề cao trách nhiệm trả lời dư luận xã hội của các cơ quan tư pháp để kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót.

Tiểu kết chương 3

Vấn đề đấu tranh phòng chống đẩy lùi các tội phạm về cờ bạc là vấn đề nan giải đang được đặt ra và là mối quan tâm nhức nhối trong việc phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp tội phạm về trật tự xã hội. Sự phát triển của xã hội khiến cho các tội phạm về cờ bạc phát triển và có tính chất phức tạp đòi hỏi hệ thống pháp luật hình sự phải có những điều chỉnh phù hợp với sự diễn biến ấy, tạo cơ sở cho hoạt động áp dụng pháp luật vào thực tiễn được diễn ra thuận lợi, đạt hiệu quả cao.

Từ thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật đối với các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong 05 năm (2013 – 2017) đã cho thấy còn nhiều hạn chế vướng mắc trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt, đồng thời tìm hiểu được nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trên từ đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với các tội về cờ bạc nhằm nâng cao hiệu quả trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm về cờ bạc nói riêng. Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội phạm về cờ bạc thì còn cần phải nâng cao chất lượng điều tra, truy tố xét xử đồng thời nâng cao trình độ năng lực phẩm chất của người tiến hành tố tụng, tăng cường hơn nữa tính độc lập của Thẩm phán trong công tác xét xử và hoạt động giám sát đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

KẾT LUẬN

Theo tình hình thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong 05 năm qua (2013 – 2017) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã căn cứ vào quy định của BLHS và các hướng dẫn thực hiện; xem xét, đánh giá kỹ lưỡng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các căn cứ pháp lý khác để quyết định hình phạt một cách đúng đắn để xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, tránh bỏ lọt người phạm tội, làm oan người vô tội, góp phần vào việc bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tuyên truyền pháp luật và nâng cao nhận thức cho nhân dân. Tuy nhiên tình hình tội phạm về cờ bạc diễn ra ngày càng gia tăng, mở rộng về quy mô và ngày càng phức tạp, thủ đoạn tinh vi, các hành vi này vi phạm chuẩn mực, đạo đức xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an ninh xã hội. Bởi vậy đòi hỏi công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này cần phải được coi trọng và đẩy mạnh hơn, hoàn thiện các quy phạm pháp luật trong hình sự và tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả trong xử lý các tội phạm về cờ bạc.

Kết quả của việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc thể hiện việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng có hiệu quả hay không, thể hiện được trình độ, năng lực và chất lượng của đội ngũ cán bộ tư pháp bởi quá trình này là việc các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam vào trong thực tiễn.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội về cờ bạc vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập dẫn đến việc áp dụng chưa thật sự hiệu quả. Do đó đã tìm hiểu nguyên nhân, đồng thời có những kiến nghị giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội về cờ bạc là việc hết sức cần thiết. Chúng ta cần phải sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự, cần có những giải pháp nâng cao chất lượng định tội danh, quyết định hình phạt để đáp ứng được tình hình tội phạm trong thực tiễn, đảm bảo quá trình định tội danh, quyết định hình phạt được thực hiện khoa học, đúng pháp luật. Ngoài ra cần

phải tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của những người tiến hành tố tụng.

Về một góc độ nhất định nào đó, trong quá trình định tội danh, quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc, luận văn cũng đã giải quyết được một số vấn đề lý luận và thực tiễn góp phần vào việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay..

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 48/N /TW ngày 24/5/2005, Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống PLVN đến 2010, định hướng đến 2010.*
2. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/N /TW ngày 2/6/2005, Về chiến lược cải cách tư pháp.*
3. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1985), NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
4. Bộ luật hình sự (1997), *Bình luận Khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ luật hình sự (2001), *Bình luận khoa học 1999, (Phần các tội phạm)*, NXB Công an nhân dân.
6. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1999 (2002), NXB Lao động xã hội - Hà Nội.
7. Chính phủ (1948), *Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/04/1948 của Chủ tịch Nước về ấn định cách trừng trị tội đánh bạc;*
8. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (2009), NXB Lao động xã hội - Hà Nội.
9. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2015 (2016), NXB Tư pháp - Hà Nội.
10. Bộ Tư Pháp (1957), *Thông tư 301/CHH – HS ngày 14/01/1957 về vấn đề bài trừ tệ nạn cờ bạc*
11. Bộ Tư Pháp (1957), *Thông tư 2098/VHH – HS ngày 31/5/1957 bổ sung Thông tư 301/VHH – HS ngày 24/01/1957 về vấn đề bài trừ tệ nạn cờ bạc.*
12. Chủ tịch nước (1948), *Sắc lệnh số 168/SL. Sắc Lệnh ấn định cách trừng trị tội đánh bạc*, Hà Nội.
13. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Đỗ Văn Chính (2006), *Một số suy nghĩ khi thực hiện các Điều 248, 249 BLHS*, Tạp chí Tòa án nhân dân.
15. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (1976), *Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/03/1976 quy định các tội phạm và hình phạt;*

16. Trần Văn Độ (1994) “Chương 6 - Tội phạm và cấu thành tội phạm” trong sách: *Tội phạm học, luật hình sự và tổ tụng luật hình sự Việt Nam*, do SG.TSKH Đào Trí Úc chủ biên, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
17. Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
18. Bùi Minh Giang (2013), *Tội đánh bạc theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Hòa Bình*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội;
19. Hội đồng thẩm phán TAND tối Cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003*.
20. Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của năm 1999*.
21. Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (2010), *Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010, Về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 BLHS*.
22. Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (2013), *Nghị quyết số 01/2013 hướng dẫn về áp dụng điều 60 BLHS*.
23. Cao Thị Oanh (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Giáo dục, Hà nội.
24. Cao Thị Oanh (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam –Phần các tội phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
25. Cao Thị Oanh (2003), “*Vấn đề hoàn thiện những quy định về các tội cờ bạc trong Bộ luật hình sự năm 1999*”, Tòa án nhân dân;
26. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
27. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận chuyên sâu Bộ luật hình sự, tập VI: Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh;
28. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học, Bộ luật hình sự năm 1999 – Phần các tội phạm, tập IX, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

29. Trường đại học Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội .
30. Trường đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân Hà Nội.
31. Nguyễn Ngọc Thạch (2017), *Các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Hà Tĩnh*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Trịnh Công Thương, (2015), *Các tội phạm liên quan đến đánh bạc theo luật hình sự Việt Nam (Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hồ Chí Minh)*, (Luận văn thạc sỹ);
33. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
34. Võ Khánh Vinh (1990), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Công an nhân dân Hà Nội.
35. Võ Khánh Vinh (1996), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Công an nhân dân Hà Nội.
37. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt nam, phần chung*, Giáo trình sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt nam, phần các tội phạm*, Giáo trình sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội